

SỐ 6 — NĂM THỨ TAM — NHÂM-DÃ



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN

LIÊN HOA

NGUYỆT SAN



MỤC LỤC SỐ 6 NĂM THỨ 8

P. L 2506 — RẪM THÁNG 6 NĂM NHÂM-DẦN (16-7-1962)

Hoan nghinh những quyết nghị sáng suốt	<i>Liên Hoa</i>
Địa ngục	<i>Tịnh-Như</i>
Lịch-sử tư tưởng Phật-giáo	<i>Thích Minh-Châu</i>
Vua Jayavarman VII với công tác xã-hội	<i>Ứng-Chơn</i>
Mai sau (Thơ)	<i>Thi-Vũ</i>
Lược khảo các tôn phái trong Phật-giáo →	<i>Thích Nguyên-Hồng</i>
Học sinh L. V. Châu (Chuyện ngắn)	<i>Dương-Trường-Giang</i>
<u>Luyện Tân duy thức</u>	<i>Thích Mật-Nguyên</i>
Thư Sứ cô	<i>Liên-Tâm</i>
Ánh mắt đi qua (Thơ)	<i>Thạch Trung-Giũ</i>
Xá-vệ	<i>Thích Thiện-Chơn</i>
Đại-hội Huỳnh-trưởng G. Đ. P. T. T. P.	<i>Minh-Giang</i>
Mách thuốc	<i>Bác-sĩ Nam-Anh</i>
Tin tức	
Bìa do họa-st Phạm-đăng-Trí trình bày	



Hoan nghinh những quyết nghị sáng suốt

LIÊN-HOA

CHẮc quý độc-giả chưa quên, Đại-hội Phật-giáo Thế-giới lần thứ sáu tại Nam-Vang năm vừa qua, mà những quyết nghị sáng suốt đã được đăng trong LIÊN-HOA số 5 vừa rồi.

Vì nhận thấy những quyết nghị ấy quan trọng cho toàn thể Phật-giáo Thế-giới, cho nên LIÊN-HOA xin nêu lên thành vấn-đề và lần lượt bình luận trong mục này để quý Phật-tử nước nhà nhận chân giá trị cũng như tầm quan trọng của những quyết nghị nói trên và thêm tin tưởng ở Tổng-Hội Phật-Giáo Thế-Giới.

Trong số này chúng tôi xin bình luận quyết nghị thứ 8 và thứ 12.

Quyết nghị thứ 8 như sau:

« Nhận thấy ở Ấn-Độ những người mới quy y Phật-pháp gặp nhiều nỗi khó khăn và trở ngại. Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới phải sẵn sàng can thiệp ngay bằng mọi hòa giải hữu-hiệu. Đề giúp người Phật-tử mới quy y tại Ấn-Độ qua khỏi mọi trở ngại khó khăn ».

« Những người mới quy y Phật-pháp » mà quyết nghị số 8 nói ở trên tức là những người thuộc giai cấp: BA-LI-A một giai cấp thấp thỏi và bị bạc đãi, khinh bỉ nhất trong xã-hội Ấn-Độ. Họ bị các giai cấp khác xem như những con vật ghê-tởm không ai dám lại gần, dám sờ mó đến...

Hiện nay ở Ấn-Độ vào khoảng 40 triệu người Ba-li-A. Họ sống một đời sống vô cùng khổ sở, tối tăm đói khát về vật chất lẫn tinh thần không ai sẵn sóc bệnh-vực họ, không tôn-giáo nào chấp nhận họ. Nhưng trong mấy năm trước đây, nhờ sự vận động khéo léo của ông Chủ-tịch Hội Phật-giáo Thế-giới và những vị lãnh-đạo Phật-giáo ở Ấn-Độ, từng loạt

hàng trăm ngàn người Ba-Li-A đã xin quy y theo Phật. (Trong mục tin tức Thế-giới, Liên-Hoa cũng đã từng đăng nhiều lần nói về những loạt quy y tập thể của hàng trăm ngàn người này). Những người mới quy y Phật-pháp đang gặp nhiều khó khăn và trở ngại. Ai đã nhận tâm gây khó khăn và trở ngại cho những con người khốn khổ ấy?

Không nói chắc quý vị đợc-giả cũng đoán biết, đó là những tôn-giáo khác, nhất là Ấn-Độ-giáo và Hồi-giáo, thật là một điều đáng buồn, đáng tui cho «NHÂN-LOẠI», khi ở vào thế-kỷ 20 này, mà tự do tín ngưỡng đã được phổ biến khắp thế-giới, còn có những hiện tượng tôn-giáo này đàn áp tôn-giáo khác! Không biết Thủ-tướng Néhrư, người con của thuyết «Bất Bạo-động» đệ tử trung thành của thánh Cam-Đi-a có thấu rõ những nỗi khó-khăn và trở ngại của hàng Phật-tử tội nghiệp và khốn cùng này không? Chắc là vì bận lảm công việc và bị người dưới che lấp, Thủ-tướng Néhrư không thấy được việc nói trên.

Và cũng vì thế nên «Đại-Hội Phật-Giáo Thế-Giới» mới quyết nghị «*sẵn sàng can thiệp ngay*». *Can thiệp như thế nào? Trước tiên «bằng mọi hòa giải hữu-hiệu...»*

Nhưng nếu những hòa giải ấy không hữu-hiệu thì Tổng-Hội Phật-Giáo Thế-giới có những biện pháp nào nữa chẳng?

Tất nhiên là có!... Đây chúng ta hãy nghe Đại-Hội quyết nghị ở điểm 12: «*Bất cứ lúc nào, ở đâu và không phân biệt chủng tộc nếu hàng Phật-tử bị áp bức, chia rẽ, đàn áp, lợi dụng, thì chúng ta Phật-tử ở nước khác sẽ cùng nhau họp lại, gửi lời phản kháng, hay gửi phái đoàn tới nơi đó để yêu cầu nhà chức trách địa phương dành lại mọi thiện cảm, an ninh cho các Phật-tử bị áp bức để được quyền thọ-hưởng chế-độ Tự-Do tư-tưởng, Tự-Do tín-ngưỡng, để thi hành Phật-sự. Những bản phản kháng đó sẽ gửi thẳng đến chánh-phủ tại nơi có việc xảy ra... Nhưng nếu vì lý-do nào mà không gửi tới được thì sẽ nhờ Liên-Hiệp-Quốc chuyển giao...»*

Những quyết nghị sáng suốt và quý báu nói trên, đã đem lại rất nhiều an-ôi và phấn khởi không những cho người mới quy y Phật-pháp ở Ấn-Độ, mà còn cho cả Phật-tử ở nơi khác hiện đang bị áp bức, khùng-bổ vậ.

ĐỊA NGỤC



Tịnh-Như

NGÀY nay, hơn lúc nào hết, nhân-loại chúng ta mới cảm thấy một cách chua chát rằng, địa ngục không phải chỉ xuất hiện ở một thế-giới xa lạ và bí mật nào mà còn xuất hiện trong thế-giới của chúng ta. Địa ngục gắn liền với hiện-hữu và cũng là hiện-hữu. Địa ngục nằm giữa cuộc đời.

Ở đâu có đau khổ, có máu và nước mắt là ở đấy có địa ngục. Mỗi ngày hàng ngàn con lợn bị thọc tiết trong lò tề sinh, hàng ngàn con chim quẩn quại trên lò lửa của một khách-sạn, hàng ngàn người bị tra tấn trong mọi lao tù, thì chính lúc đó hình-ảnh của một địa ngục trần gian đã thể hiện một cách trọn vẹn.

Địa ngục A-Tỳ, địa ngục Vô-gián mỗi ngày một dựng lên la liệt khắp địa cầu, không bởi những phẩm cách thần thánh, quỷ Dạ-Xoa, Đầu trâu, Mặt ngựa, mà bởi tự những bàn tay tàn bạo của chính con người. Con người đã dựng lấy địa ngục cho chính mình và tự chôn mình ở đó. Lịch sử nhân-loại không thể nào quên được tiếng rên siết đau khổ của hàng vạn người bỏ xác trong công cuộc dựng xây Vạn-lý trường thành, và không thể nào quên được những phút kinh-hoàng ghê rợn của nhân-loại khi dấu chân ngựa Mông-cổ dẫm đầy máu đi ngang qua. Lịch-sử nhân-loại cũng sẽ không bao giờ quên được những nỗi hãi

hùng của những dân tộc lao mình vào hai cuộc thế chiến vĩ-đại, hình-ảnh của bạo tàn, vô luân, khủng khiếp. Và hôm nay, lịch-sử nhân-loại đang chứng kiến những ngọn lửa địa ngục đang bốc cháy trên một địa cầu, kết quả của lòng tị-hiểm, đố kỵ và hận thù. Nhân-loại tranh chấp nhau vì những lợi quyền kinh tế, chính trị và tranh chấp nhau vì tư - tưởng. Địa ngục trần gian không còn dựng lên một chốn mà dựng lên khắp cả. Địa ngục đã tràn lan khắp cuộc sống.

Nhưng thứ địa ngục sâu kín nhất là thứ địa ngục dựng lên trong mỗi tâm hồn nhân-loại. Đây là thứ địa ngục trên cả mọi thứ địa ngục và cũng là nơi xuất phát mọi quang cảnh địa ngục trên một địa cầu. Đây là những tâm niệm xấu xa, ích kỷ, kiêu mạn, tham lam và tàn bạo. Khi ngọn lửa tâm tưởng còn bừng cháy trong mỗi cá nhân, thì ngọn lửa khổ đau của toàn thể nhân-loại không thể nào dập tắt được nữa.

Thảm trạng của thế-giới chỉ là phần ảnh trung thực của đời sống nội tâm. Cộng nghiệp của một « đại bản ngã » chỉ là tổng số của từng biệt-nghiệp của từng cá thể. Thế-giới ngoại cảnh biến hiện tùy thuộc vào tâm thức của mỗi người và của toàn thể quần chúng. Khi mỗi đời mắt đã đổ ngầu những tham bạo, thì cảnh vật bên ngoài làm gì không ngập đầy máu và đầy lửa đau thương! Kẻ nào mang kính đen thì cảnh vật trở nên tối sẫm lại. Nhìn tha nhân qua lớp sương mù của cách biệt, của chia rẽ của oán hờn thì làm sao cuộc đời lung linh màu sắc?

San bằng mọi địa ngục không gì hơn san bằng ngay chính tự tâm hồn mình. Bài thần chú có hiệu lực nhất để phá tan Thập-điện Diêm-vương — hơn cả mọi thứ đại

thần chú khác — là biến dục vọng, Sân hận, Si mê thành Từ bi, Bình đẳng và Trí tuệ. Đó mới thật là đại-thần chú, đại-minh chú, vô-lượng chú, vô đẳng đẳng chú, năng trừ tất cả mọi thứ khổ ách.

Muốn cứu vãn nhân-loại đang thoi thóp trong đau khổ và hận thù, mỗi cá nhân phải tự cứu mình trước đã. Cuộc cách mệnh vĩ đại nhất là cuộc cách mệnh lấy bản thân mình. Khi những dây thép gai, hàng rào sắt, thành lũy trong lòng người đã sụp đổ, thì mọi địa ngục sẽ không còn giá trị gì nữa, Lúc bấy giờ, trong ta và khắp mọi nơi, máu và lửa sẽ biến thành hoa. Hoa Mạn-trà-la, hoa Maha-mạn-trà-la, hoa của Tình yêu, hoa của Từ Ai.

HƯƠNG GIẢI THOÁT

— Do Phật-học-Viện Nha-trang sản-xuất và phát hành.

— Chế tạo đủ các loại :

- **Hương bạch-đàn,**
- **Hương trầm,**
- **Hương thuốc.**

— Hiện có bán khắp các nơi.

— Dùng HƯƠNG GIẢI THOÁT được bảo đảm thơm và tinh khiết, đồng thời đề ủng hộ Phật-học-viện.



Vị nào muốn làm Đại-lý, xin liên lạc với: Ban Quản-lý Hương-Giải-Thoát, Phật-học-Viện — NHA-TRANG.

LỊCH - SỬ TƯ - TƯỞNG PHẬT - GIÁO

Thích-Minh-Châu

(Tiếp theo)

CHƯƠNG III

Những kỳ kiết tập: Những học phái nguyên thủy.

ĐỀ NHẤT KIẾT TẬP

Những vấn đề Phật-giáo xảy ra trong ba thế kỷ đầu quay quanh hai điểm chính: Các ký sự của 3 kỳ kiết tập đầu tiên và danh sách 17 học phái hay tông phái bắt đầu hưng khởi vào thế kỷ thứ hai sau đức Phật nhập niết bàn. Các ký sự không có quyền tự cho là có giá trị lịch sử. Các tập ấy đầy những thần thông kỳ dị và những mâu thuẫn lịch sử không thể có. (Anachronim). Dầu loại các chuyện thần thông ra ngoài các học phái cũng không đồng ý với nhau về những sự trạng quan trọng nhất.

Tất cả học phái đều công nhận có một kỳ kiết tập (Sangiti dịch nghĩa là cùng nhau và tụng đọc) tổ chức tại Rājagaha (Vương-xá) liền sau đức Phật nhập niết bàn. Theo ký sự xưa nhất (của phái Theravādins, (1) Đại-đức Kassapa (Ca-diếp) triệu tập một kỳ kiết tập gồm 500 vị đệ tử tụng đọc Dhamma (Chánh-pháp) và Vinaya (giới luật) vì thái độ của Subhada, một vị Tỷ - kheo lứa tuổi mới xuất gia khi nghe tin đức Phật nhập niết bàn, đã nói rằng: « *Chúng Tăng nay đã thoát khỏi sự ràng buộc của sự Đạt khổ hạnh. Và có quyền làm hay không làm tùy theo ý muốn* ». Các kiết tập viện quyết định tụng đọc giới luật trước, vì theo lời ngài Buddhaghosa (Giác - âm) Luật-tạng được giảng cùng một lần với giáo pháp, và giới luật còn thì giáo pháp còn. Đại-đức Kassapa chủ tọa hỏi ngài Upali (Ưu - ba - ly) « *Vị đầu tiên đã thuộc lòng luật tạng* » từng giới điều một về (1) mục giới điều (2) trường hợp giới ấy được tuyên bố (3) cá nhân đương sự (4) giới điều chính (5) giới điều phụ (6) khi nào gọi là phạm giới (7) khi nào gọi là không phạm giới cùng một cách thức. Đại-đức Kassapa hỏi ngài A-Nan về kinh pháp, bắt đầu kinh thứ nhất trong bộ trường A-

Hàm, và hỏi (1) *Chỗ giảng* (2) về ai và cho ai kinh ấy được giảng « Theo cách thức ấy, Đại-đức hỏi về 5 tập A-Hàm Nikàya, và ngài A-Nan trả lời từng câu hỏi một ».

Đây chúng ta sẽ thấy các ký sự cho là *Luật* và *Kinh* trong thời đức Phật và *Luật* và *Kinh*, hiện nay chúng ta được có đều giống nhau. Các giới điều đều được xem như đã là có phần chú giải (commentaries), (phần này ghi chép những trường hợp tưởng tượng đã xảy ra đưa đến sự tuyên bố mỗi giới điều), cùng với các giới điều phụ và những ngoại lệ do những giới điều ấy đưa đến *Luận Tạng* (Adhi dhamma) không được nói đến — Rất có thể, khi ký sự được chép, không có một phần luận riêng như một tạng thứ ba, nhưng chúng ta có thể chắc chắn, đầu phần *Luận* ấy là gì, phần ấy cũng không phải là những phần mà nay chúng ta gọi là *Luận*. Ngài Buddhaghosa có nói đến một sự phân loại trong ấy phần *Luận* được xem thuộc tập A-Hàm thứ năm. Tuy vậy, các học phái khác cho rằng *Luận* cũng được tụng đọc trong kỳ kiết tập ấy, và chính do ngài Kassapa tụng đọc.

Tập ký sự trong luật tạng chép ngài A-Nan có trình Hội-đồng kiết tập rằng, đức Phật trước khi nhập niết bàn có nói với ngài: « Nếu Giáo-hội muốn, Giáo-hội có thể hủy bỏ bất cứ giới điều phụ nào ». Nhưng ngài A - Nan quên hỏi đức Phật những giới điều nào là phụ và vì Hội - đồng kiết tập không thể quyết định, và hơn nữa vì ngài Kassapa sợ quần chúng có thể nghi giới luật bị gạt bỏ vì vị giáo chủ không còn ở đời, nên toàn thể kiết tập viên đồng quyết định không thêm cũng không bớt một giới điều nào. Trong tập Mahàvastu (tập I trang 69) lý do của ngài Kassapa được xem là nguyên nhân triệu tập cuộc kiết tập — Ông Oldenberg nói rằng, kinh Mahàparinibàna, có ghi chép những lời của vị Tỷ - kheo Subhadda; những lời này được tập ký sự Luật tạng xem là nguyên nhân triệu tập cuộc kiết tập và kinh này không nói gì đến một cuộc kiết tập nào cả. Vì vậy, ông nói kinh ấy không biết gì đến cuộc kiết tập, và vì vậy cuộc kiết tập chỉ có trong tưởng tượng. (trang 29) không những lý lẽ này chỉ là một lý lẽ ex. Silentio (dựa trên một sự im lặng) mà cũng là hoàn toàn sai lầm. Không có lý lẽ gì bắt buộc một cuộc kiết tập phải được ghi chép trong bộ kinh ấy. Lời tuyên bố của Subhadda đúng vào giữa lúc cử hành tang lễ và Đại-đức Kassapa (Ca-diếp) không thể lập tức đứng lên đề nghị một cuộc Hội-nghị được — chỉ có về sau, ngài Kassapa được xem là có nói chuyện với các vị Tỷ-kheo và lập lại lời tuyên bố của Subhadda (2) Rồi lúc đó, ngài mới đề nghị một cuộc kiết tập

chớ không phải trong lúc Tỷ-kheo Subhadda nói lời ấy. Chúng ta cũng không thể nói rằng lý do ngài Kassapa đã dùng để triệu tập cuộc kiết tập chưa chắc đã đúng sự thật. Rất có thể vị biên tập Luật tạng đã lầm lẫn gán cho ngài Kassapa có lý do ấy và tập Mahavastu đã thiết thực phủ nhận. Nhưng vì ngài Kassapa không và không thể đề nghị một kiết tập trong khi cử hành tang lễ, sự im lặng không nói đến cuộc kiết tập trong một bộ kinh không thể chứng minh chống lại sự có mặt của cuộc kiết tập ấy (3).

Khi chúng ta tự hỏi chúng ta có thể kết luận những gì về giá trị lịch-sử của kỳ kiết tập chúng ta không thể đi xa hơn câu kết luận này của ông Kern: *« Không phải là một điều không thể tin được rằng các đệ tử đức Phật, sau khi vị Giáo chủ niết bàn đã chung họp lại và cùng đồng ý những điều chính về tin ngưỡng và về giới luật »*. Tất cả những tập ký sự đều ghi chép những chi tiết viết nhiều thế kỷ về sau, và tùy thuộc quan niệm của những vị cho rằng đạo Phật và kinh điển khi các vị này được biết đều giống nhau từ lúc ban đầu. Chúng ta có thể tin rằng khi đức Phật nhập niết bàn, đã có một cương yếu các giới luật, và nhiều lời dạy trong những năm đức Phật diễn giảng được ghi nhớ trong trí óc. Tùy thuộc phạm vi tin tưởng các giới luật và các kinh ấy, chúng ta có thể có một vài quan niệm thiết thực về đệ nhứt kiết tập chớ không phải nhờ các tập ký sự.

ĐỀ NHỊ KIẾT TẬP

Tập Cullavagya (tiêu phẩm chương 12) có tường thuật đệ nhị kiết tập. Chúng ta được cho hết là 100 năm sau đức Phật niết bàn (trang 30) các vị Tỷ-kheo Vajjan ở Vesàlè (Tỳ-xá-ly) giải thích rằng 10 hạnh sau này được phép theo:

- 1) Muối có thể cất giữ trong sừng thú vật.
- 2) Được phép ăn khi bóng mặt trời xế hai đốt ngón tay quá Ngọ.
- 3) Có thể đi vào làng khát thực và ăn lại nữa, sau khi đã ăn rồi.
- 4) Các vị Tỷ-kheo trong một đại giới có thể tổ chức lễ Uposatha (Bồ-tát) riêng biệt.
- 5) Một nhóm trong Tăng chúng có thể chánh thức thi hành một quyết định rồi tin lại chúng Tăng biết sau.
- 6) Có thể hành trì những hạnh vị y-chỉ sự của mình đã hành trì.

7) Sữa đã đông lại nhưng chưa thành sanh - tô có quyền được uống dầu đã ăn rồi.

8) Rượu chưa lên men có quyền được uống.

9) Một ngựa cụ không đúng kích tấc chỉ định, có quyền được dùng nếu không có đường viên.

10) Vàng và bạc có quyền được thu nhận.

Đại-Đức Yasa (một trong những vị đệ tử xưa nhất của đức Phật, nay đã hơn 165 tuổi) đi khất thực tại thành Vesàlè và thấy các vị Tỷ-kheo thành ấy có đặt một bình bát bằng đồng đầy nước và yêu cầu các người cư-sĩ cúng tiền trong ấy. Ngài bảo các cư-sĩ biết là đệ tử đức Phật khất thực không được phép nhận vàng và bạc. Tuy vậy, các vị Tỷ-kheo vẫn nhận tiền và chia cho Ngài Yasa một phần, và Ngài từ chối. Các vị Tỷ-kheo liền họp bạch kiết ma sám hối buộc Ngài phải đi đến xin lỗi các người cư-sĩ. Ngài cũng đi nhưng Ngài tự giải thích trước mọi người, và cuối cùng các người cư-sĩ công nhận Ngài là phải. Khi ấy, các vị Tỷ-kheo liền bạch Kiết ma lần xuất Ngài, nhưng Ngài bay trên không và về Kosambi, tại đó Ngài triệu tập các vị Tỷ-kheo ở Pàvā, Avanti và các vị ở phía nam. Các vị Tỷ-kheo họp tại đồi *Ahoganga*, và quyết định phải mời cho được Đại-Đức Revata theo một phe, vì là một vấn-đề khó-khăn và tế nhị. Đại-Đức Revata, lúc ấy ở tại Soreyya, nhưng nhờ thiên-nhi-thông, Ngài rõ được quyết-định ấy, và vì không muốn dự vào một cuộc tranh luận, Ngài quyết lánh mình, Ngài đi từ chỗ này qua chỗ khác, cuối cùng các vị Tỷ-kheo bắt gặp (31) Ngài ở Sahajati, và được Ngài trả lời thỏa đáng về quan-niệm của Ngài đối với 10 điều ấy.

Các vị Tỷ-kheo ở Vesàlè cũng nghĩ nên cầu cho được Đại-Đức Revata theo phe mình, họ đến yết kiến Ngài và dâng cúng y, bình bát và các món cần-thiết khác. Ngài không nhận các vật cúng, nhưng họ mua chuộc được vị Tỷ-kheo hầu cận Ngài; và do vậy Ngài Revata đuổi vị ấy. Xong Đại-Đức Revata quyết-định vấn-đề ấy phải được giải-quyết tại chỗ phát sanh, và hội nghị nhóm tại Vesàlè. Nhưng các cuộc bàn cãi đều không mục-dịch và tối nghĩa nên Đại-Đức Revata đề-nghị công cử một Hội-đồng gồm 8 bậc Đại-Đức bốn ở phía Đông, bốn ở phía Tây và đề-nghị ấy được chấp thuận. Đại-Đức Revata cũng đã nắm chắc đa số về phe mình nhờ hội đàm với Đại-Đức Sabbakāmin một vị Tỷ-kheo ở phương

đồng, trong đêm trước. Hội đồng họp tại vườn Vālīka, và Đại-Đức Revata hỏi Ngài Sabbakāmin về 10 điểm ấy, và tất cả 10 khoản đều bị bác bỏ. Đại-Đức Sabbakāmin liền tuyên-bố 10 khoản ấy đã giải-quyết xong và yêu cầu Đại-Đức Revata hỏi Ngài lại trong buổi họp chung đề tuyên-bố chúng tăng biết. — Tập ký sự kết luận: « *Như vậy, Đại-Đức Revata hỏi Đại-Đức Sabbakāmin, về 10 khoản trước toàn thể Đại-chúng và Đại-Đức Sabbakāmin trả lời từng câu hỏi một. Trong cuộc Hội-nghị Giót Luật ấy có một 700 vị Tỷ-kheo, không hơn không kém. Do vậy cuộc Hội-nghị Giót Luật ấy đặt tên là Hội-nghị 700* ».

Trong bài tường thuật ấy, một vài liên-hệ với thủ-tục tổ-chức bị bỏ quên và các tập Chronicles (Biên-niên sử) cũng không ghi chép gì rõ ràng hơn. Tập Mahāvansa ghi rằng cuộc kiết-tập được tổ-chức vào năm thứ mười triều vua Kālasoka có 12.000 vị Tỷ-kheo dự họp và « *Đại-Đức Revata chọn lựa 700 vị Tỷ-kheo A-La-Hán đã thông suốt ba tạng Pīṭaka (kinh-điền) đề họp thành Đạo-Tràng trong số các vị Tỷ-kheo đến họp Hội-nghị* ». Rồi 700 vị ấy nhóm tại vườn Vālīka và kiết-tập chánh-pháp — Tập ấy nói thêm rằng có 10.000 vị Tỷ-kheo bất chánh, vì bị Đề-nhị kiết tập bác bỏ, liền họp thành một học phái lấy tên là *Mahāsanghika* (Đại chúng bộ) Danh từ ấy có nghĩa là *thuộc Đa số Tăng chúng hay Giáo-Hội*, nhưng tập Mahāvansa không nói chúng có họp một Hội-nghị. Tuy vậy, tập Dipavansa ghi chép 10.000 vị Tỷ-kheo bất chánh hội họp và kết-tập chánh-pháp và do vậy cuộc kiết tập ấy gọi là *Đại kiết-tập trường*. Có lẽ tác-giả tập Mahāvansa, dĩ nhiên phải hết lời tuyên-bố ấy nhưng cố ý bỏ đi — Tác-giả ấy cũng quên không ghi chép đoạn sau này của tập Dipavansa :

« *Các vị Tỷ-kheo ở Đại kiết tập trường. Kiết tập một giáo-điền trát ngược. Chúng xáo lộn nguyên-bản (của kinh-điền) và kiết tập một bản mới.*

Chúng ghi rất rác nhiều chỗ, những kinh-điền được kiết tập vào một chỗ. Chúng hủy phá phần nghĩa và phần giáo-lý trong 5 tập Nikāya (A-Hàm).

Tập Paroḍra, tóm tắt ý-nghĩa (của Luật-Tạng), 6 chương mục của Luận-Tạng Tập Dattasambhīdā tập Niddesa, và một phần của tập Jataka (các chuyện tiền thân) v. v. . . đều bị loại ra và thay thế các tập khác vào ».

Ông Olvenberg tuyên bố là tập ký sự về sự tranh chấp tại đề-nhị kiết tập rất đáng được tin cậy. Nhưng tập này là một phần của

một tài liệu chung đã nói cho chúng ta biết về đệ nhất kiết tập, một sự trạng mà ông Olvenberg cho là hoàn toàn bịa đặt. Ít nhất chúng ta cũng phải loại bỏ các chi tiết — Chúng ta được nói cho biết là đệ nhị kiết tập, được triệu tập 100 năm sau đức Phật nhập niết bàn (hay 110 mười năm theo tài liệu của ông Rockhill) tuy vậy tám bậc Đại-đức đều đã được thấy đức Phật (4) và như vậy các vị ấy ít nhất là 120 tuổi nếu được thọ đại giới vào tuổi ít nhất là 20 — Các tập tài liệu khác cũng có nói về 100 khoản hành trì này nhưng không đồng ý về những khoản nào. Theo tài liệu ông Rockhill, chỉ có 4 khoản cốt giống với bản Pali. Bốn khoản trong tập Dharmagupta cũng đồng ý, nhưng không phải bốn khoản ấy. Danh sách được gìn giữ nhờ 10 chữ cho dễ nhớ *Stgilonakappa* (hạnh sừng muối), *dvangulakappa* (hạnh hai ngón tay), v.v... và rõ ràng nhiều chữ bị hiểu lầm theo tập *Dharmagupta*, hạnh hai ngón tay không phải chỉ cho bóng mặt trời xế ngọ 2 ngón tay mà chỉ cho ăn nửa sau bữa ăn và dùng hai ngón tay để lấy đồ ăn. Rõ ràng các tác giả tự đoán nghĩa. Đây chúng ta cũng không thể cho rằng bản Pali đáng được tin cậy, vì về hạnh thứ tám, *Jalokappa* đúng nghĩa phải là hạnh hút giống như con đĩa (*jaloga*), như tập *Dharmagupta* đã ghi chép. (3)

Vậy chúng ta không thể chắc chắn về tất cả khoản tranh chấp, nhưng danh sách ấy cũng không phải hoàn toàn độc đoán. Rất có thể danh sách ấy ghi chép một số giới hạnh thật đã được tranh chấp, nhưng cũng rất có thể sự buộc tội của kỳ kiết tập ấy chỉ là phỏng dự thêm. Chúng ta càng tin điều đó hơn nữa, khi chúng ta tìm thấy rằng Vasumitra, trong tập ký sự về cuộc ly giáo đầu tiên, ghi chép một nguyên nhân khác hẳn về sự hưng khởi của Mahasanghikas (Đại chúng bộ). Ông ấy nói, nguyên nhân chính là 5 diêm trong giáo-ly về bản tánh và sự chứng quả của vị A-la-Hán, do một vị Mahadeva đề xướng lên. 5 diêm này không cần phải đặt thêm như 10 diêm trước, vì cũng được thấy lại sau, nhưng chúng nên rõ rằng một phái này phái khác (hay cả hai phái) đều không biết một chút gì về những điều đã xảy đến tại Đệ nhị kiết-tập.

Cũng một kết luận tương tự về câu chuyện Đại kiết tập trường trong tập (5) *Dipavamsa*. Về những cuộc thăm duyệt lại kinh điển, đại khái rất có thể có. Những cuộc thăm duyệt sai khác như vậy có thực, và tác giả ghi rằng chính đó là một phần các cuộc tranh luận tại đệ nhị kiết tập nhưng sự tích cho rằng phái *Mahasanghikas* đã cố ý tổ chức một cuộc thăm duyệt khác trong thời ấy lại bị tác giả tập *Mahāvayasa* bỏ quên. Vì tập *Mahāvayasa* là tập tu chỉnh lại tập *Dipavayra*. « một sự tu chỉnh cố ý và có định kiến » như ông Giger đã nói, nên tác giả tự nhiên loại bỏ hoàn toàn mẫu chuyện ấy.

(Còn nữa)

VUA JAYAVARMAN VII

VỚI CÔNG TÁC XÃ-HỘI

VÀO cuối thế kỷ thứ XII, vua Jayavarman đệ thất của nước Cam-bốt là một Phật-tử thuần thành. Nhà vua cho xây dựng nhiều y-viện trong nước. Các nhà khảo cứu của Trường Viễn-đông bác-cổ đã tìm thấy nhiều vết tích của các y-viện ấy. Với những tài liệu sưu tầm được, người ta nhận thấy công tác y-tế của vua Jayavarman VII có một qui mô rộng lớn.

Là đệ-tử của đức Đại-Từ-Bi, vua Jayavarman VII xót xa trước những cảnh đau khổ, nên lo nghĩ đến cách cứu trợ những kẻ có bệnh tật mà cho lập ở trong nước một hệ thống y-viện. Những văn kiện chạm vào bia đá đến nay còn chứng minh công tác nhân đạo này.

Do một tấm bia tìm thấy ở Say Fong năm 1902, ông Louis Finot ở Trường Viễn-đông bác-cổ đã tuyên bố: « Đây là một tài liệu có tính cách đặc

biệt: chiếu chỉ của nhà vua về việc thành lập y-viện ». Về sau, người ta lần lượt tìm được mười bảy tấm bia như thế nữa.

Trong chiếu chỉ có định rõ là ở mỗi y-viện có một ngôi chùa xây bằng đá. Thường thường lối kiến trúc của các y-viện gần giống nhau: chính giữa là một ngôi chùa hướng về Đông; một bên có một nhà khách hướng về Tây; chung quanh có tường đá; ngoài tường có hồ. Người ta đã tìm thấy 32 vị trí trong số 102 y-viện mà vua Jayavarman VII đã cho thành lập. Có nơi vì trải qua nhiều phen cải tạo nên khó tìm ra vết tích của thời xưa. Cũng như trong hai ngôi chùa kia được trùng tu theo kiểu tân thời, tuy có tìm thấy hai tấm bia khắc chiếu chỉ lập y-viện, mà dấu vết của y-viện không còn trông thấy nữa.

Chiếu chỉ cũng chứng minh ý chí của nhà vua là quyết tâm thực hiện công tác này một cách tích cực, theo một chương trình hoạch định trước. Chiếu chỉ ghi rằng :

« Để diệt trừ bệnh hoạn quấy phá nhân dân trong nước, nhà vua dùng Y-sĩ làm quân đội, y-khoa làm chiến thuật và y-được làm vũ khí ».

Nhà vua lại cho mở mang đường sá, lập nhiều trạm ở dọc đường, để đạo quân trừ bệnh đi lại dễ dàng và có chỗ nghỉ ngơi. Ngày nay, đôi nơi còn di tích các trạm xây bằng đá thuở xưa.

Cách tổ chức các y-viện cũng được ghi chú trong chiếu chỉ. Điều đáng chú ý trước hết là khi lập y-viện, nhà vua không nhắm hoàn toàn vào mục đích y-tế và xã-hội; ý nhà vua thiên về luân-lý và đạo-giáo nhiều hơn, vì nhà vua cho rằng ảnh hưởng huyền năng của chư Phật và sức chú nguyện cũng màu nhiệm như nghệ thuật của Y-sĩ và hiệu lực của thuốc men. Vậy những vị Phật nào

đã được tôn thờ ở y-viện ? Trong ngôi chùa chính giữa y-viện, người ta trông thấy ba pho tượng, di tích độc nhất của cổ thời: Đức Phật Dược-Sur Lưu-Ly gọi là « Y tổ » đem lại niềm an vui và sức khỏe cho những người nghe tụng niệm đến danh hiệu Ngài, và hai Vị Bồ-tát gọi là « Nhật Quang » và « Nguyệt Quang » gia hộ cho bệnh nhân tiêu trừ màn u ám của bệnh hoạn.

Y-viện, đặt dưới sự hộ trì của ba vị Phật trên, mở rộng cửa cho tất cả mọi người: « Các hạng người trong xã-hội đều được cứu trị ở đây ». Chiếu chỉ minh định như thế để nêu rõ tinh thần bình đẳng trong đạo Phật.

Các y-viện được vĩnh viễn miễn thuế và ai cũng có thể đến xin trú ngụ. Một chức quan tương tự chức Tổng Giám-đốc y-tế điều khiển chung các y-viện.

Mỗi y-viện có số nhân viên như sau :

— Hai Y-sĩ; hai Dược-sĩ có nhiệm vụ giữ kho và phát

thuốc; mười bốn người gác; tám y - tá để cho thuốc bệnh nhân; sáu phụ nữ để nấu nước và nghiên thuốc.

Ngoài những người chuyên trách kể trên, còn có: — Sáu lao công (mỗi y - sĩ có 3 người phục dịch: một nam, hai nữ); hai người làm bếp và quét dọn; hai người giã gạo; hai người giúp việc văn phòng.

Tất cả số nhân viên trên đều ở tại y - viện. Một số phụ tá khác chừng sáu mươi người ở ngoài với điều kiện tự túc.

Bên cạnh số nhân viên chuyên môn kể trên, có hai vị Sư để lo Phật - sự và một nhà chiêm - tinh để xét đoán binh - lý và bệnh - trạng, vì theo sự tin tưởng truyền - thống của Ấn - độ thì bệnh hoạn và thời tiết rất liên quan với nhau. Hai nhà Sư và nhà chiêm - tinh đều do Thượng - tọa chùa Ta Prohm chỉ định. Vì thế mà trong tấm bia của chùa này có ghi rõ số y - viện xây cất năm 1186 là 102 chỗ với các khoản chu cấp chung sau đây:

— Mỗi năm cấp phát 1.600 bộ quần áo cho các vị sư sãi; 11 nghìn tấn lúa do 838 làng đai thọ; thực phẩm, trong đó một đôi thứ có thể dùng làm thuốc; mỡ, mật đường; mật ong; sáp v.v. . . ; được - phẩm, mỗi năm cấp phát ba lần vào tháng 3, 6, 9, lấy ở kho tàng của nhà vua, có thứ là sản phẩm quốc nội, có thứ mua ở nước ngoài.

Công tác y - tế này của vua Jayavarman VII nhằm vào mục đích luân - lý và đạo - giáo, hướng theo tư tưởng của Phật. Đoạn chốt sau đây của chiếu chỉ khắc trên các bia chứng tỏ điểm ấy:

« Chỉ mong muốn phước lạc cho thiên hạ, nhà Vua chí tâm cầu nguyện: Mong sao công tác từ thiện này đưa đến thành quả là cứu vớt sinh linh và giúp họ thoát vòng đau khổ. Mong sao các Vua Chúa của Cam - bốt, phát Từ - Bi tâm, hộ trì công tác của tôi và sẽ cùng với vợ, con, đình thần, bạn hữu, tiêu diêu nơi Cực - lạc là chỗ không còn bệnh hoạn nữa ».

ỨNG - CHƠN

(Trích dịch bài của George Coedès)

Mai sau

*Kính tặng
Thầy Huyền-Không*

XA gần đều vũ-trụ.
Tinh cầu là bụi bay,
Nhắc chi thời khát máu,
Sai chạy những bùng tim,



Nhắc chi thời nát ngọc,
Vi bao kẻ buồn hương,
Thương người trong tiếng khóc
Chuyến luân chôn Vô thường.



Mùa xuân còn ần náu,
Trên lưng cây Yêu Thương
Ngày nay hát trên đường,
Bài thơ Đạo mai sau.

Thi-Vũ

(Tiếp theo)

b) Về tác trì gồm có 20 Kiền-độ (Khanda).

Kiền độ nghĩa là phạm . loại, điều luật, hoặc nghĩa như chữ tự.

- 1 — Thọ giới kiền độ,
- 2 — Thuyết giới kiền độ,
- 3 — An cư kiền độ
- 4 — Tự tứ (Pravarana) kiền độ,
- 5 — Bi cách kiền độ
- 6 — Y kiền độ,
- 7 — Dược kiền độ.
- 8 — Ca di na y (Kathina) kiền độ.
- 9 — Cáo sam (Kausam) kiền độ
- 10 — Chiên ba (Campa) kiền độ
- 11 — Kha trách kiền độ
- 12 — Nhon nt
- 13 — Phú tàng nt
- 14 — Giá nt
- 15 — Phú tăng nt
- 16 — Diệt tránh nt
- 17 — Ni nt
- 18 — Pháp nt
- 19 — Phòng xá nt
- 20 — Tạp nt

(N. B: Những điều luật trong hai phần Chỉ trì và Tác trì không thể giảng rõ cũng như trình bày chi tiết).

Hai phương diện Chỉ trì và Tác trì trên đây có thể gọi là khái quát toàn bộ luật. Với phương châm chỉ ác tu thiện, tịnh trừ nghiệp nhiễm, tức là không ra ngoài vấn đề nghiệp sanh duyên khởi. Như vậy giáo nghĩa tôn này vốn Tiểu-thừa, Sau ngài Chung-Nam-Son y luật Tứ-phần thuật ra Ngũ đại bộ, thuyết minh yếu nghĩa cũng không ra ngoài hai phương diện hành trì. Như bộ Giới số thuyết minh về hành tướng của Chỉ trì, Nghiệp số nói về tu hạnh Tác trì, hành sự sao đề cập cả hai phương diện Chỉ và tác, Tỳ-khuru ni sao nói riêng về Chỉ tác của ni giới, Thập tỷ ny nghĩa sao phần nhiều giải về Chỉ trì. Mà thật ra tuy nói làm hai nhưng trong chỉ có tác, trong tác có chỉ. Yếu nghĩa ấy đã lưu nhập vào chỉ thủ của Đại-hừa vậy.

Ngoài ra, từ cụ-túc giới khai lập ra ngũ giới, bát giới, thập giới, lục pháp, để áp dụng cho hàng tại gia và hàng xuất gia tuổi trẻ.

3) Lập chúng theo giới phẩm:

Theo phương tiện chế giới thì ngũ giới áp dụng cho những người tu tại gia tức hai chúng Ưu-bà-tắc (Upasaka = thiện nam) và Ưu-bà-di (Upasika = tín nữ). Bát giới, cũng gọi là Bát - quan - trai - giới nghĩa là những điều răn cấm ấy như cái cửa đóng lại ngăn chặn mọi tội ác. Đây là giới dành cho hàng tại gia thọ trong một ngày một đêm tập làm theo hạnh xuất gia để gieo trồng nhưn xuất thế. Mười giới áp dụng cho hàng Sa-di và Sa-di-ni (Sramanera và Sramanerika). Sáu pháp áp dụng cho các thiếu nữ xuất gia khoảng từ 18 đến 20 tuổi gọi là Thức-xoa-ma-na (Siksamana). Năm bậc trên hợp với Tỳ-khuru và Tỳ-khuru ni làm thành bảy chúng.

Giới xuất-gia	}	<i>Cụ túc giới</i>	{	Tỳ-khưu (nam)	} <i>Chúng xuất-gia (5).</i>
				Tỳ-khưu ni (nữ)	
		<i>Thập giới</i>	{	Sa-di (nam)	
				Sa-di ni (nữ)	
		<i>Lục pháp — Thức xoa ma na</i>			
Giới tại gia	}	<i>Bát giới</i>	—	Ưu-bà-tắc (nam)	} <i>Chúng tại-gia (2)</i>
			X		
		<i>Ngũ giới</i>	—	Ưu-bà-di (nữ)	

4) Bốn khoa:

Giới luật Phật chế, tổng quát chia làm 4 khoa: một là giới pháp tức là những điều luật của Phật chế ra; hai là giới thể tức là khi thọ giới tám thanh tịnh; giữ được thể tánh có năng lực ngăn dứt tội lỗi ác nghiệp; ba là giới hạnh nghĩa là mọi hành vi đều thuận theo công năng giữ giới mà phát hiện ra thân khẩu ý, hay nói cách khác là đức hạnh do giữ giới mà được; bốn là giới tướng tức là người giữ giới luôn biểu lộ ra oai nghi cử chỉ khiến người khác trông thấy có thể biết ngay.

5) Con đường tịnh hạnh:

Con đường tịnh hạnh gồm thu mọi giới pháp, không những chỉ tinh cách hẹp hòi mà còn tỏa rộng ra tất cả chúng sanh. Có ba con đường chính gọi là Tam tụ tịnh giới nghĩa là trong ba con đường ấy qui tụ tất cả giới hạnh thanh tịnh và lợi lạc chúng sanh.

a) Con đường thứ nhất, về phương diện tiêu cực, người thọ giới luôn giữ gìn thân khẩu ý nghiệp, nghiêm trì luật-nghi tránh lỗi lầm. Trong luật tạng mệnh danh con đường này là Nhiếp luật-nghi giới.

Nhiếp luật-nghi giới có 3 đặc tính:

1 — Biệt giải thoát giới: như các giới được chế ra là 5 giới, tám giới, 10 giới, cụ túc giới v.v... người thọ giới

khi đối diện Tam-bảo và Hòa-thượng truyền giới mà giữ được thì các giới điều ấy có năng lực ngăn ngừa tội lỗi nơi thân khẩu nghiệp, mỗi mỗi đều được giải thoát.

2— Định cộng giới là khi tu tập thiền định, ba nghiệp thanh tịnh, hoàn toàn vắng lặng, lúc ấy không để tâm vào việc trì giới mà vẫn không phạm giới. Như thế gọi là được Vô tác giới thể; Kết quả ấy được trong lúc thiền định, cùng với cảnh định tương ưng, nên gọi là Định cộng giới.

3— Đạo cộng giới là khi đã chứng được đạo vô lậu thời xa lìa mọi tội ác nơi thân khẩu mà được vô tác giới thể. Giới thể ấy cùng với đạo cộng sanh nên gọi là Đạo cộng giới.

Trong biệt giải thoát giới có các giới về thân, khẩu và ý. Hai giới về thân, khẩu có cộng và bất cộng còn giới về ý thì thuộc bất cộng.

Cộng giới là giới luật áp dụng cho cả bậc Thanh văn và Bồ tát. Bất cộng giới là giới cấm về ý nghiệp chỉ áp dụng cho bậc Bồ-tát.

Trong Tứ phần luật nói: giới tướng cũng thuộc về nghĩa cộng. Ngài Đạo-Tuyên luật-sur chủ trương Tứ phần luật cũng có một phần thông về giới cấm của ý nghiệp. Cho nên tôn này đem cộng giới nhập vào Tam tụ tịnh giới, quy về Đại thừa.

b— Con đường thứ hai là con đường tích cực, người thọ giới luôn tu tập thiện pháp, trong luật gọi là Nhiếp thiện pháp giới.

c— Con đường thứ ba là con đường lợi tha, người thọ giới phát quang Bồ-Đề-tâm đối với tất cả chúng sanh, đem lòng tế độ bằng mọi cách lợi ích, trong luật gọi là Nhiếp chúng sanh giới.

Ba con đường này gọi là Tam tụ tịnh giới, ba con đường liên lạc mật thiết với nhau, khi ta thi hành đúng đắn thì một thông cả ba. Tỷ như ta giữ giới không sát sanh tức là Nhiếp luật nghi giới, nhờ giữ giới không sát sanh mà lòng lành của ta mỗi ngày một tăng trưởng như thế là Nhiếp thiện-pháp giới, lòng lành ta tăng trưởng không tàn hại chúng sanh như thế về mặt tiêu cực có thể gọi là ích lợi cho chúng sanh rồi vậy, đó là Nhiếp chúng-sanh giới.

Các giới cấm khác suy ra cũng thế.

IV. - Hành chứng và quả vị.

Hành chứng của tôn này y cứ vào giới luật làm căn bản. Giới hạnh thanh tịnh thì định huệ tự nhiên sanh. Vì thế trước tiên cần giữ giới nhờ giới sanh định huệ, mới diệt trừ phiền não. Đó là đường lối tu hành của tôn này vậy.

Về thứ bậc tu hành, Nam-Sơn luật sư lập ra 4 bậc tiệm thứ theo 3 A tăng kỳ kiếp.

1) Nguyên lạc vị: Phát nguyện tin vui hiểu biết và thực hành tự lợi và lợi tha. Bậc này tương đương với Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hướng trong A tăng kỳ kiếp thứ nhất.

2) Kiến vị: Bậc này bắt đầu kiến đạo, tương đương với Sơ địa.

3) Tu vị: Bậc tu đạo tương đương từ Nhị địa đến Thất địa. Trong A tăng kỳ kiếp thứ hai

4) Cứu cánh vị: Từ bậc này tiến lên Phật địa, tương đương từ Bát địa đến Diệu-Giác trong A tăng kỳ kiếp thứ ba.

Quả vị thứ tư là bậc cùng tốt của tôn này. Đạt đến quả vị này đầy đủ ba thân của một đức Phật.

(Kỳ tới: Pháp tướng tôn)

CHUYỆN NGẮN



Dương-Trường-Giang

Học sinh

L. V. CHÂU

ĐÂY là lần phát bảng danh dự tháng thứ 5 và cũng 5 lần liên tiếp, L. V. Châu chiếm đầu lớp Đệ Thất. Thầy giáo T. trao bằng khen màu đỏ của trường cho Châu, nỗi hân hoan của Thầy hiện rõ trên nét mặt. Thầy nhìn cậu học sinh ưu tú của lớp mình. Đôi mắt sáng của cậu bé, lúc này cũng như trong những khi trả lời câu hỏi của Thầy, lộ một vẻ thông minh nổi bật. Rồi Thầy liên tưởng đến cái hình ảnh nhanh nhẹn và xung phong của L. V. Châu trong công tác trang hoàng lớp học, trong những cuộc du ngoạn. Ước ao gì các học sinh lớp Thầy đều noi gương Châu.

Trong giờ ra chơi sáng ấy, Thầy T. không lên phòng giáo sư vội. Thầy gọi Châu đến bên và hỏi chuyện. Thầy muốn biết nhà Châu để trực tiếp đến tìm hiểu gia đình cậu học sinh lớp mình.

— Thưa thầy, con ở xóm Tân-miếu, nhà số 2..., Liên-gia...

Châu nhanh nhẩu đáp một hơi và đứng im chờ Thầy hỏi thêm nữa. Xóm Tân-miếu. Tên xóm này bỗng gợi lại cho thầy một thời gian đã qua. Cách đây ba năm Thầy có thuê nhà ở tại xóm này, một xóm không có đèn điện nhưng lại rất nhiều hàng rào tre như một làng quê, nhiều gió thoảng, một xóm có rất nhiều con nít. Chiều nào khỏi con nít ấy cũng họp với bọn con khá đông của Thầy trước sân mà đùa dỡn mà làm ồn. Và cố nhiên là chúng học với nhau những thói xấu rất nhanh, đến nỗi có ba bốn tháng sau, bọn con Thầy cũng thuộc lòng những câu chửi bới để mà văng tục lẫn nhau. Đó là lý do chính khiến Thầy sau này phải dọn nhà đi nơi khác.

L. V. Châu chờ đợi chập lâu mà không nghe Thầy hỏi thêm gì nữa, đánh bạo lên tiếng:

— Thưa, Thầy biết xóm Tân-Miếu?

Thầy giáo T. nhìn Châu chăm chú, từ đầu đến chân, một cách hơi khác thường làm Châu nao núng. Không đáp thẳng câu hỏi của cậu học trò, Thầy nói:

— Hôm nào Thầy sẽ đến thăm con.

Khi bước ra khỏi lớp đề lên văn phòng, Thầy giáo T. có vẻ dăm chiêu suy nghĩ. Thầy nhớ lại cái xóm Tân-Miếu, căn nhà thuê cũ và các hàng xóm đã quen biết dạo trước, Thầy nhớ lại bọn nhỏ thường đến chơi trước nhà Thầy. Rồi cái mớ tóc cứng, cái cằm vuông và lối cử động mau mắn của L. V. Châu làm Thầy nhớ đến một thằng bé đặc biệt trong bọn trẻ hoang nghịch ngày trước. Thằng bé đó có cái tên kỳ cục: thằng Trâu. Thằng Trâu lý lợm và rất có tài bày ra các trò phá rối. Nó thường cùng

với bọn trẻ đến trước nhà khi thì đánh nấp keng, khi thì đá banh, khi thì bần trộm đào, và có một hôm kia, lúc ăn cơm tối rồi, thằng Trâu cùng bọn nhỏ đến trước cổng nhà Thầy chơi đập mạng. Hôm ấy trong nhà có người đau nên Thầy giáo sai đưa cháu ra giải tán bọn nhỏ. Đứa cháu ra nói thế nào không khéo làm mất lòng chúng. Thế là thằng Trâu tổ chức một cuộc chống đối.

Chúng vác guốc gõ vang lên ngoài đường trước nhà, đi từ đầu đến cuối vườn. Đến khi Thầy giáo trực tiếp ra can thiệp, bọn nhỏ hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn mình thằng Trâu thủng thỉnh đi về nhà một cách tự nhiên.

Ý nghĩ dọn nhà đi nơi khác càng thúc bách quyết liệt bắt đầu từ đó và Thầy giáo ghi đậm trong tâm một ác cảm sâu xa đối với thằng Trâu.

Nhưng đến tối hôm sau, một việc khác lại xảy đến. Bọn nhỏ thập thò ngoài cửa trước sự nhón nhác của mấy con Thầy. Chập sau, hai đứa

làm ra vẻ mạnh dạn bước vào nhà. Đưa lớn đi trước là thằng Hiền, đưa đi sau là thằng Trâu. Chúng đến đứng thẳng thớm trước mặt Thầy khi ấy còn đang bận soạn bài. Thầy giáo ngẩng lên và nhìn thẳng vào mặt thằng Trâu làm nó hơi e ngại. Lại thằng Trâu, hẳn đến đây làm trò gì nữa? Một lát thằng Hiền lên tiếng, ban đầu có phần ngập ngừng nhưng càng nói càng trôi chảy. Hiền là một thiếu sinh của Gia-đình Phật - tử, nó thay mặt cho bọn nhỏ đến xin lỗi Thầy giáo về trò phá rối của chúng hôm qua. Trong khi thiếu Hiền nói thì thằng Trâu đứng núp sau lưng bạn nó làm cho bọn nhỏ đứng ngoài cửa cười rúc rích. Và đến khi thiếu Hiền nói gần hết thì bỗng thằng Trâu lấy tay che miệng mà nín cười, rồi hình như sợ phải cười to, nó vùng bỏ chạy ra cửa, lẩn vào trong bọn nhỏ.

Thầy giáo nghiêm nét mặt, gọi thằng Trâu vào. Nó đứng cúi mặt. Sẵn ác cảm, Thầy mĩa mai.

Trâu, cậu mà cũng biết xin lỗi à?

Nhưng, lại trở về với thói quen của nhà mò phạm, Thầy tỏ lời khuyến khích:

— Các em biết xin lỗi, ấy là tốt lắm. Nhưng xin lỗi thì phải tự ý mình muốn. Trâu, cậu có muốn xin lỗi không?

— Dạ muốn.

— Vậy thì phải hẳn hoi. Đến xin lỗi mà cười đùa, mà sợ dị, như thế thì không được. Thôi, Thầy sẵn lòng tha thứ cho các em. Mà lần sau đừng đùa theo lối ấy nữa.

Cái xóm Tân-miếu làm Thầy giáo T. nhớ lại lắm chuyện như thế. Và Thầy có một mối băn khoăn. Có lẽ nao trò Châu ưu tú của thầy bây giờ lại có thể xuất hiện trong đám trẻ hoang nghịch ấy? Hay là Châu mới theo cha mẹ đến ở xóm ấy?

Sau buổi dạy sáng nay, Thầy giáo T. quyết định sẽ trở lại thăm xóm Tân-miếu. Thầy ở thuở trước và luôn thể tìm hiểu về gia-đình L. V. Châu, học sinh ngoan nhất lớp Thầy.



Sáng chủ nhật, dùng như đã hẹn trước, Thầy giáo T.

đến xóm Tân - miếu, Châu muốn đến tận nhà Thầy để đưa Thầy đi, nhưng Thầy giáo không muốn phiền phức như thế. Xóm Tân - miếu, Thầy đã biết rồi, hơn nữa, Thầy muốn nhân dịp này ghé lại thăm vài nhà quen ngày trước.

Đi ngang qua ngôi nhà thuê cũ, Thầy giáo quay nhìn vào Ngôi nhà trông trống trải và chói nắng lạ lùng. Mấy cây vù sừa trước bị trầy nhánh gần trụi hết.

Trong sân, người ta phơi hàng dãy quần áo trắng toát mới giặt xong. Thì ra bây giờ, một người thợ giặt ủi đến thuê ở đây. Cái im mát dễ làm chỗ chơi cho lũ trẻ ngày xưa, ngày nay không còn nữa. Cảnh biến đổi ấy đột nhiên làm cho Thầy xúc động tuy rằng tuổi tác đã nhiều lần cho Thầy chứng kiến nhiều tang thương lớn hơn bội phần.

Sau khi ghé thăm đôi nhà quen Thầy giáo tìm đến số nhà 2..., liên gia... Hồi trước, vì gần gũi nên không ai đề ý đến số nhà làm chi,

nên khi trở Châu chỉ số nhà, Thầy cũng không biết có phải là quen không. Thầy dừng lại trước cổng rồi mà lưỡng lự chưa vào vì đây là nhà của Trung-sĩ D, nhà của thằng Trâu hoang nghịch khi mà Thầy còn ở đây. Sao lại có sự trùng hợp lạ lùng thế này? Có thể nào cậu học trò tru tú của Thầy lại anh em hay bà con với thằng Trâu nghịch ngợm ấy? Hay là Trung-sĩ D, đã dời đi nơi khác và gia đình của trò Châu lại thuê dọn đến ở đây.

Thầy đang đứng suy ngẫm thì từ trong nhà, Châu mừng rỡ chạy ra đón chào. Thầy giáo T. bước vào nhà. Giữa nhà có thiết bàn Phật uy nghi như ngày trước, nhưng sự xếp đặt thì khác xưa nhiều. Bên cửa trái có vụng thờ một người thân trong nhà và ngăn buống bằng ván ghép bên phải đã gỡ đi thành nhà trông khá rộng rãi. Nhìn qua một lượt, Thầy giáo càng dinh ninh rằng giả thuyết vừa rồi của mình là đúng.

Một lát sau, Thân sinh trở Châu, y phục chỉnh tề, bước ra tiếp Thầy. Thì ra không ai khác là Trung-sĩ D.

Trong những phút đầu, Trung-sĩ D. vui mừng vì nhận ra được người quen, nhưng Thầy giáo thì có vẻ ngờ ngàng.

Người ta nhắc lại đôi ba chuyện ngày trước. Rồi bỗng sự nhỏ, Trung-sĩ D. chỉ về phía Châu đang đứng bên cạnh và nói với Thầy.

— Thầy giáo ạ, đây là thằng Trâu ngày trước đây. Tên trường hắn là Châu, cái tên hay ho lắm. Nhưng vì hắn hoang nghịch nên bọn con nít gọi trại ra là Trâu để diễu hắn. Hồi đó, hắn không lấy thế làm xấu hổ và còn cho là ngộ nghĩnh nên không phần đối gì. Thành ra cả trong nhà cũng gọi luôn hắn là Trâu. Hồi Thầy ở đây thì hắn hoang số một rồi đó.

Trung-sĩ D. cười nhưng Thầy giáo lại giữ một vẻ trầm tư đặc biệt. Thầy nhìn kỹ lại L. V. Châu từ đầu đến chân. Mờ tóc cứng, cái cằm vuông còn gọi lại bóng dáng của sự lý lợm, lẩn chại của một kẻ bất phục tùng thuở xưa, nhưng thái độ háy thì hoàn toàn khác. Cái gì đã biến đổi một thằng Trâu hoang nghịch

thành cậu học trò xuất sắc ngày nay ?

Giây lâu, Thầy giáo lên tiếng:

— Châu đã thay đổi quá nhiều. Bây giờ, Châu học khá lắm và ngoan nữa nên tôi cũng không ngờ được rằng chính nó là thằng Trâu hồi tôi còn ở đây.

Rồi quay về phía trò Châu, Thầy nhắc lại cái đêm nó đến xiêu lổi ở tại nhà Thầy. Châu nhìn Thầy giáo chăm chăm cố hồi tưởng lại rồi bỗng sự nhớ :

— Thưa Thầy, hồi ấy Thầy thuê nhà ở gần ông Thiện, nhà đó bây giờ ông thợ giặt ủi thuê ấy ạ ! Dạ, phải rồi, con nhớ rồi, Hôm đó con cùng đi với anh Hiền.

— Con nhớ đúng đấy.

— Thưa Thầy, lúc ấy con vào Gia-đình Phật-tử mới có mấy ngày. Và chính anh đoàn-trưởng đã thúc chúng con đến xin lỗi Thầy.

Trung-sĩ D. tiếp lời Châu :

— Thầy giáo ạ, hắn vào Gia-đình Phật-tử mà hóa

hùng ra vậy đó. Hồi cho hẳn vào, tôi cũng nghĩ là giao cho Gia-dinh Phật-tử để hẳn đi họp, đi hành, bớt chơi hoang ở nhà. Tôi cũng thử nhờ Phật giáo hóa hẳn chớ còn tôi thì xin chịu, mà lạ lắm. Thấy s, từ ngày đó hẳn đổi tính. Đó có lẽ là nhờ hồng ân Tam-bảo.

Thầy giáo chậm rãi trình bày những ý nghĩ đang cấu tạo trong trí một nhà giáo-dục :

— Cũng nên thấy rằng gia-dinh Phật-tử đã làm một việc khá bạo dạn, nhận một đứa bé hoang nghịch vào Đoàn là có thể làm hỏng lây đến các em khác. Đó là trường hợp mà người phụ trách thiếu khả năng, Nhưng mà đối với Phật-giáo thì người ta tin rằng một con người, dù xấu xa đến đâu, cũng có Phật-tính. Trẻ em nào cũng có thể cải hóa được. Và kết quả, người ta đã cải hóa được con bác. Đó là một công trình tuyệt đẹp.

Và lại cũng nên thấy rằng có một giai đoạn nào đó, thể xác và tinh thần đứa bé

dôi hỏi phát triển. Vào cái thời kỳ đột biến ấy, mà gặp được duyên tốt thì nó sẽ biến hóa dễ dàng theo chiều tốt, trái lại không biết hướng dẫn thì nó sẽ bẻ quanh vào con đường xấu rất mau chóng. Bác cũng đã có công đức là đã cho Châu sinh-hoạt vào đúng lúc nó cần thiết.

Rồi sực nhớ lại là mình đã lý luận hơi dòng dài, Thầy giáo quay lại phía Châu, vỗ vào vai nó và thân mật nói :

— Con có nhớ rằng hôm đó con đến xin lỗi Thầy mà núp sau lưng thiếu Hiền và cười rúc rích rồi vụt chạy ra ngoài cửa không ? Bây giờ thì khá đứng đắn Thầy không ngờ con đã làm một việc quá sức tưởng tượng.

Câu chuyện về L. V. Châu tạm ngừng lại một lát. Trung-sĩ D mời Thầy uống chén trà rót ra từ lâu. Thầy giáo chú ý vào chiếc băng đen ở tay áo của Trung-sĩ D, và hỏi :

— Trong nhà bác chắc vừa qua một biến cố. Bác đề tang cho...

Trung-sĩ D. tiếp lời Thầy, giọng đượm buồn :

Có Thầy a. Năm ngoái, mẹ thắng Châu mất. Trong nhà tôi đau buồn biết mấy. Đặc biệt cũng là thắng Châu này. Những cái chi mẹ hắt cho ngày trước thì hắt cất giữ kính cẩn lắm. Rồi hắt tự dẫn em đi chơi, có lúc tắm rửa cho cả mấy em hắt nữa. Tôi thấy lạ, hỏi tại sao hắt làm thế. Hắt trả lời là để có dịp nhớ lại công việc mẹ hắt làm ngày trước. Hắt nói như người lớn, làm tôi cảm thấy đau lòng.

Im lặng một lát. Sau đó, Thầy giáo chuyển sang chuyện nhà trường, chuyện học tập của học sinh ngày nay. Trung-sĩ D. lắng nghe chăm chú,

nhưng đôi vời Thầy giáo, đó là những vấn đề Thầy thường bàn luận nên trình bày không mấy thích thú. Hơn nữa, tri Thầy đang bận rộn suy nghĩ về sự biến đổi của L. V. Châu, bận rộn mãi đến khi trở về nhà. Hai biển cổ lớn : vào Gia-dinh Phật-tử, mẹ mất, Hai biển cổ ấy đã chuyển hóa một tâm hồn. Thì ra biển cổ trong cuộc đời là năng lực, là sức mạnh. Có gì buồn bã bằng một cuộc đời bằng phẳng. Tuy nhiên, cần phải biết hướng năng lực ấy về đường nào? Đó là phép nhiệm màu mà ta phải chủ động đối với ta. L. V. Châu, trong bước đầu, đã biết dùng năng lực để xoay chuyển cuộc đời mình vào con đường tốt đẹp.

HÔNG - PHÚC HIỆU

101 | A Phan-Bội-Châu — HUẾ.

Chuyên môn chế tạo các loại hương
trầm rất tinh khiết.

Đáng tin cậy.

LUẬN TÂN DUY THỨC

Sơn giả : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giả : THÍCH MẬT NGUYỄN

(Tiếp theo)

KHÁCH rằng: Đây là bằng chứng đặc biệt của thức «Y ý-căn», có phải liền nơi chỗ biết rõ và chấp trước 2 cảnh «đới-chất» và «độc-ảnh» hay không?

Luận rằng: Phải, bởi cảnh «tợ-đới-chất» và cảnh «độc-ảnh» chỉ thuộc về cảnh của thức «y ý-căn» này; không những thế, các thức khác cũng là công dụng rất rộng của thức này; cho đến thâm nhập cảnh định huệ và chứng chơn-như pháp-tánh, cũng là công-năng thù-thắng đặc-biệt của thức này nữa. Còn như y theo 5 thức trước biết rõ được sắc, thanh, hương, vị, xúc, đại khái cũng như trước đã nói về 5 thức. Song không, được biết trước: ngoài ý-thức còn có 5 thức trước nữa, vì đối với ý-thức này khó biết kịp cái biết của 5 thức trước, nên người đời chỉ biết có thức «y ý-căn», mà không biết có «chơn-hiện-lượng». Chơn-hiện-lượng trong một sát-na, tuy tinh cớ bóng hiện ra, nhưng ít hay ẩn định, đã liền lưu chuyển ngay và trong chỗ ý nghĩ lời nói của «đới-chất-cảnh» và «độc-ảnh-cảnh», nếu không do định huệ chứng hội chơn-như pháp-tánh, không thể nào tương- ứng được chơn-hiện-lượng này. Nhưng nếu trong lúc chưa thành tự định,

ngộ, khê-ngộ được tánh chơn-như. bởi vì ý-thức này hằng thường lưu-chuyển trong cảnh đời-chất và độc-ảnh; hệ mê lý duy-thức, cứ luôn luôn ngoài tâm tìm, cầu, dò, xét, suy nghĩ, chấp trước không thời nghỉ, đều hoàn toàn do ý-thức này mà ra. Cho nên bước thứ nhất của sự học pháp Duy-thức, trước hết phải biết rõ các cảnh «tợ-đời-chất» và «độc ảnh» chỉ là lời nói và ý nghĩ tạo nên, tuyệt không có thật vật. Cho nên đó cũng gọi là «ý ngôn duy thức». Nếu đối với ý ngôn duy thức này đến lúc quan sát được thâm thiết rõ ràng liền được chơn thật giác ngộ: Thế-gian đều là một trường mộng-huyền.

Khách rằng: Những tánh thuộc về thức «y ý-căn» thuận theo nhau hòa hợp phát khởi, so với 5 thức trước thế nào?

Luận rằng: Những tâm tánh thuộc về ý-thức chuyển-hóa biến đổi rất sâu rộng, phiền toái mau chóng: sức phổ biến rõ ràng của ý-thức có thể không cách gì luận được, như dục-vọng, thắng giải, ức-niệm, tịch-dịnh, minh-huệ v.v... mỗi tâm của mỗi cảnh - giới riêng biệt; những tâm-tin, hồ thẹn, không tham, không sân, không si, tinh-tấn, khinh-an, không phóng-dật, hành-xã, đại-bi v.v... thuộc về các tánh tịnh-thiện; những tâm tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến, thuộc về tánh nhiều trước tạp nhiễm; những tâm phận, hận, phú, nã, tật, xan, cuốn, siểm, hại, kiêu, không hổ, không thẹn, lay động, hôn trầm, bất tin, biếng nhác, buông lung, thất niệm, tán loạn, không hiểu biết chơn-chánh, thuộc về tánh nhiễm ác; những tâm tìm cầu, dò xét, buồn rầu, ăn năn, ngủ mê v.v... thuộc về tánh bất định; ở vào những lúc, những chỗ mà ý-thức lần lượt liên-đời phân hiệp, sanh diệt, thì sức mau lẹ của ý-thức khó phân biện được. Mà 2 tâm tìm cầu và dò xét, công lực lại rất

lớn lao, tóm lại bao nhiêu tư-tưởng học-thuật trong thế-gian sở dĩ lưu hành được, đều do 2 tâm này sanh khởi ra cả, Những tâm thuộc về những tánh trên đây, chúng ta cần phải ở trong khi động, khi tịnh, khi nói, khi nín, từng sát-na, từng sát-na... quan sát trở lại trong nội tâm, mới có thể như người coi trên màn điện ảnh, phân tích rõ ràng từng ty từng tỷ.

Khách rằng: Vậy thì 6 món liễu-biệt cảnh-thức này đối với những tánh nghiệp làm lành, làm dữ lại như thế nào?

Luận rằng: Đây thì phải bằng chứng vào những tâm gì, thuộc về tánh gì, mới có thể biết rõ được liền, do thức « y ý-căn » biểu hiện ra nơi hành động của thân, nói phở của miệng, nếu thêm những tâm thuộc về tánh tin, hồ thẹn v. v. . . trong lúc hiện khởi, đó là tánh nghiệp của tịnh-thiện; nếu khi mang theo những tâm thuộc về tánh phẫn, hận v. v. . . đó là tánh nghiệp của nhiễm ác; Hay khi mang riêng những tâm thuộc về tánh thanh linh ưa muốn tìm cầu v. v. . . đó là nghiệp riêng cả về thiện hoặc về ác, không thể ghi nhớ được. Nhưng những loài hữu-tính chúng ta đương ở trong vòng sanh tử lưu-chuyên, không loài nào có thể lìa những tâm thuộc về tánh tham, sân, si, kiêu mạn v. v. . . đồng thời hiện khởi; cho nên tâm-tánh chúng ta đều có những tâm-hạnh nhiễm - ô che lấp xen lộn, như vậy quyết phải đợi đến lúc soi phá được ý-chỉ tánh-thức, khế-hội được tánh chơn-như, mới thành-tựu hoàn-toàn tâm hạnh tịnh-thiện. Đây chưa phải là đã trở lại với bản-tánh thanh-tịnh rồi, mà đương thuộc về ý-thức phải tự tu tập, sáng tạo lấy sức thanh-tịnh vậy.

Khách rằng: Thế thì lúc cảm thọ khổ vui lại như thế nào?

Luận rằng: Tâm-cảnh trong lúc cảm-giác, hoặc được thuận hiệp ưa đẹp thân tâm thời vui (lạc-thọ); hoặc trái chống ép bức thân tâm thời khổ (khổ-thọ); hoặc lúc không ưa không trái có thể phân biệt được thân tâm lãnh-thọ cái tánh trung-dung, khổ vui đều xả (xã-thọ). Sáu món liễu-biệt-cảnh-thức này đối với khổ-thọ, lạc-thọ và xả-thọ đều được tùy thời biến đổi. Song khổ-thọ và lạc-thọ, mỗi món đều có 2 giống. Hai giống về khổ-thọ: 1) Khổ, 2) Ưu. Hai giống về lạc-thọ: 1) Lạc (vui), 2) Hỷ (mừng). Khổ-thọ và lạc-thọ chỉ thuộc về hiện-tại, còn ưu và hỷ gồm cả quá-khứ và vị-lai. Năm thức trước, chỉ có khổ, lạc, và xả-thọ; Thức «y ý-căn» thời có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, thọ. Nếu quán-sát nội-tâm cho chín chắn, thì không khó gì mà không biết rõ.

Khách rằng: Tuy biết rõ thức «liễu-biệt-cảnh» biết được cảnh-tướng của thật-tánh hay đời-chất và độc-ảnh. Tức như 5 thức trước đồng với thức thứ 6 cảm-giác chiểu rõ sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp, vì sao phải ở thời ấy chỗ ấy, mới có sự cảm-giác về sắc, thanh, hương, vị, xúc như vậy như kia? Hoặc vì sao đối với thời kia, chỗ kia không có sự cảm-giác về sắc, thanh, hương, vị xúc như kia như vậy? Vả trong thức «y ý-căn» cũng thường có thời có chỗ mới có những tướng hòa-hợp liên-tục đối đãi như vậy như kia? hay có thời có chỗ lại không có những tướng hòa-hợp, liên-tục, đối đãi như kia như vậy, mà các giống sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đây cùng những tướng hòa-hợp, liên-tục, đối đãi ở thời này có thể cùng với đa số nhơn-chúng đồng có các giống giác-liễu thức-biệt như vậy như kia; lúc khác chỗ khác thời lại cũng đa số nhơn-chúng đồng không các giống giác-liễu thức-biệt như kia như vậy. Nếu không phải ly ngoài thức riêng có phát sanh cái nhơn những giác-liễu thức-biệt ấy, như vậy các pháp sai-biệt, do đâu mà thành-tựu?

Luận rằng: Khách cũng thường có chiêm bao ư? Những cảnh vật giác-liễu thức-biệt trong lúc chiêm bao, đương khi chiêm bao chưa tỉnh, nếu mộng về mùa xuân, thời chỉ có hoa đào chớ không có hoa sen; mộng ở chỗ sa-mạc, cũng chỉ có cảnh hoang-vu, chớ không có đậu bắp; chiêm bao thấy người nhà ly hay hiệp, thời cũng đều có cảnh vui, buồn, cười, khóc v. v. . . Các cảnh mộng ấy, cũng đều duyên-chuyển thành-tự như có quy-luật tự nhiên, lẽ nào lia ngoài tâm chiêm-bao mà riêng có chỗ tồn tại ư? Song đến lúc tỉnh, cái cảnh mộng trong tâm hãy còn rành rành, thì nếu muốn ở ngoài tự-tâm mà tìm cầu sự tồn tại ở chỗ nào, không thể ti-hào có được. Mộng đã như thế, tỉnh cũng như vậy.

Khách rằng: Đó tuy rõ được mộng-cảnh không lia mộng-tâm, song mộng-tâm kia cũng cùng mộng-cảnh mà hòa- hiệp liên-tục, cùng chung hiện khởi, nên hợp lại mà nói là mộng. Mà cái mộng ấy, có cái tuy huyền, nhưng không phải không chỗ nương nhờ mà có. Nếu cái mà có chỗ nương nhờ, thời ngoài sự ly mộng, đã có cái bản-nhơn khởi mộng, ngoài sự ly thức, há lại không có cái bản-nhơn khởi thức ư? Lý tuy đã ngang nhau, nhưng nghi còn đợi quyết.

Luận rằng: Chiêm bao y tâm mà có, chiêm bao không lia tâm, tâm tuy không chắc là chiêm bao, mà có thể vĩnh-viễn ly tuyệt chiêm bao. Tâm đương trong lúc chiêm bao, thì tâm cũng không thể ly mộng mà riêng có tâm khác. Mộng-cảnh, mộng-tâm đã y mộng mà hiện, thời mộng y bản-tâm mà có. Vì muốn biết mộng y bản-tâm mà có, vậy nên phải nói « Sanh-hóa-thề-thức ».

(còn nữa)

THƯA SƯ CÔ

LIÊN TÂM

— Con! sao về mặt lại bơ phờ đến thế? có cái gì đang xảy ra trong con? Lễ Phật đản không làm con hài lòng?

— Thưa cô, chính vì ngày rằm mà con buồn. Tuy biết rằng Phật-đản đã chuyển sang ngày trăng tròn nhưng con vẫn thấy nao nao trong lòng như có cái gì thiếu thốn, trống trải vào ngày mùng 8. Con lên chùa Từ-đàm lễ Phật. Ở đó, con được dự lễ kỷ niệm Phật-giáo Việt-Nam thống nhất... nhưng..

Thanh dửng dưng lại, tằm tức, nghẹn ngào, mắt nhìn xuống,

— Nhưng sao con? Gì mà ảm ức đến thế!

— Thưa cô, con không ngờ người ta vô tình đến thế! người ta bỏ một ngày lễ một cách thân nhiên như thế! Người đến dự lễ Phật-giáo thống nhất đếm được trên đầu ngón tay. Các vị Tăng-già đông hơn cư-sĩ. Nếu không có ngày lễ chu niên này thì con chắc chùa sẽ vắng tanh trong ngày mùng 8, con ngạc nhiên quá.

Sư cô nghiêm chỉnh nhìn Thanh. Im lặng trong lieu bé nhỏ. Một sự im lặng nặng nề, khó chịu. Thanh, với tuổi niên thiếu đầy tình cảm, sẵn sàng xúc động trước mọi đổi thay dù nhỏ nhặt. Cảnh lơ thơ của chùa trong ngày mùng 8 cũng đủ Thanh trách hờn — tuy không nói ra — những người khác có thể dứt tình với một ngày lễ ớn sâu vào tâm tình dân tộc. Đọc được ý nghĩ của Thanh, Sư cô từ tốn:

— Nay con, qua các tài liệu giải thích về sự đổi ngày Phật-đản, con có đồng ý ngày rằm không?

— Thưa cô, hẳn nhiên con tán thành, tán thành không phải với sự hời hợt *cuốn theo chiều gió*.

— Thế thì con phải tự trách con là không dứt khoát tư tưởng mới phải. Nếu con đến mừng lễ Thống nhất Phật-giáo thì có không nói, đảng này con lại đề tập quán chi phối, nên có nói thẳng với con rằng chính những tình cảm vụn vặt nhiều lúc ngăn trở không ít đại sự.

Bị quở bắt ngờ, Thanh cúi gằm mặt. Không muốn đề, Thanh buồn, Sư cô tiếp lời :

— Nhưng thôi, khoan đề cập đến ngày Phật - đản. Có gì làm con không vừa ý trong ngày lễ thống nhất này không.

Nghe Sư-cô hỏi, nét mặt Thanh trở lại tươi tắn. Sau một lúc suy nghĩ, Thanh đi vào vấn đề.

— Thưa Cô, nói đến thống nhất tức là công nhận trước đây Phật-giáo Việt-Nam đã bị phân tán. Con thiết tưởng, Phật-giáo không bao giờ chia rẽ nhau mới phải. Xin cô cho con biết chút ít về Phật-giáo Việt - Nam...

— Mỗi câu hỏi của con là cả một vấn đề, lại thêm vấn đề không thể giản lược, dù con chỉ muốn biết chút ít mà thôi. Nhưng cô cũng cố gắng trao cho những gì cô biết. đề con có thể có ý niệm tổng quát về Phật - giáo Việt - Nam. Phật - giáo xuất phát tại Ấn-Độ truyền ra ngoài do đường thủy và đường bộ — Về đường thủy thì qua miền Trung-Á như Mông-Cô, Tây-Tạng và Trung - Quốc rồi qua Cao-Ly Nhật-Bản. Về đường bộ thì qua đảo Tích - Lan Java, Indonésia, Đông - Dương. Trung - Quốc... Nước ta ở giữa hai con đường ấy, nên tiếp nhận các đoàn truyền giáo của hai đường.. Theo các sách sử chép lại thì những bậc truyền đạo đầu tiên ở nước ta là các ngài Ma-ha Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội,, Chi-Cương-Lương và Mậu-Bác...

— Xin lỗi Cô, cho con được phép. . . Mấy Ngài ấy truyền vào nước ta hồi nào và là người nước nào ?

— Ồ ! con hỏi một câu có ý đó. Ba Ngài trước là người Ấn-Độ, còn Ngài Mậu-Bác người Trung - Hoa. Họ vào đất chúng ta hoặc vì du lịch, hoặc theo các đoàn buôn vào thế kỷ thứ 2, thứ 3 Tây-lịch.

Các Ngài đều thông hiểu Tam - tạng kinh điển, có phép lạ hay

hần thông. Trong hai thế-kỷ đó, con nên nhớ là thế-kỷ đi ghe đi thuyền, và đi bộ, mà đã xây chùa dựng tháp trên 20 ngọn. Tăng-sĩ đến 500 vị và 15 bộ kinh dịch ra giai đoạn ấy được mệnh danh là giai đoạn du nhập và thời Bắc thuộc. Vì nằm trong thời kỳ phôi thai, tuy có Tăng-sĩ, có chùa nhưng mới là tôn-giáo tín-ngưỡng mà thôi. Nhưng, từ khi Ngài Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi người Nam Ấn-Độ đến truyền giáo nước Việt-Nam thì Phật-giáo nước ta bắt đầu có sinh khí.

— Thưa cô, sao lại thế, Ngài có quyền phép gì đến thế ?

— Trước hết, Ngài lập ra Thuyền-Tôn Việt-nam. Ngài đã đem trọn đời truyền bá, thêm vào đó ngò ba đoàn truyền giáo (đoàn thứ nhất do ba ngài Minh-Viễn Như-Hạnh, Vô-Hành, đoàn thứ hai có 3 ngài Đàm-Thuận, Trí-Hoảng và Tăng-già Đạt-Ma. Hai đoàn này người Trung-hoa, duy đoàn thứ ba toàn người Việt-nam gồm 6 vị là Văn-Kỳ, Mộc-Xoa, Khuy-Sung, Huệ-Diệm, Trí-Hành và Đại-thừa-tăng) mà Phật-giáo đến thời thịnh đạt. Dân Trung-hoa không còn khinh thị dân ta nữa.

— Thưa cô vì sao người Trung-hoa biết.

— Thì các Ngài qua Trung-hoa. Ấn-độ đề cầu pháp và dịch kinh... Thế rồi đến đời Đinh và Tiền-Lê...

— Với lịch-sử, Đinh-tiên-Hoàng có công vì đã dẹp loạn 12 sứ quân.

— Và cũng chính là lần đầu tiên trong lịch-sử Phật-giáo Việt-nam, Đinh-tiên-Hoàng định phạm luật cho tăng sĩ, phong Khuông-Việt Thuyền-sư làm quốc-sư...

— Khuông-Việt thuyền-sư, hay nhỉ !

— Khuông-Việt có nghĩa là phò hộ cho nước Việt vậy...

— Thưa Cô, tiếc thay, nhà Đinh trị vì không lâu...

— Lê - Đại - Hành kế tiếp có trọng đãi Tăng - sĩ hơn họ Đinh. Nào lập tự viện, nào mời Khuông-Việt vẫn giữ chức cố-vấn quốc-sư, nào dùng Pháp - Nhuận thuyền-sư làm ngoại giao với Trung - Hoa và khá hơn cả là thỉnh Đại-tạng kinh ở Trung-Hoa.

— Thưa Cô, thế thì thật là một thời-dại hoàng kim của Phật-giáo Việt-nam.

— Chưa đâu. Thời-dại đó là thời-dại nhà Lý kia ! Cô sắp nói chuyện với con đây !

— À, nhà Lý. Lịch-sử có ghi lại việc sư Vạn-Hạnh đã cùng với ông Đào-Cam-Mộc tôn Lý-Công-Uần lên ngôi vua.

— Việc đó không quan trọng lắm. Quan trọng là ở chỗ Phật-giáo đã thấm nhuần vào văn chương, chính trị, quân sự, nghệ thuật và thời-dại cực thịnh nhất của đất nước từ cổ chí kim là thời Lý. Sư Vạn - Hạnh là người có công nhiều nhất. Có nhiều học giả đã qua quyết Ngài đã về họa đồ Thăng-Long. Ngài là tác-giả của câu chuyện lịch-sử nguồn gốc nước Việt - nam. Chỉ xem bài truy tán Ngài của vua Lý-Nhân-Tôn cũng đủ rõ :

*Vạn hạnh dong tam tế.
Chơn phù cổ sám kỳ
Hương quan danh cổ pháp
Trụ tích tấn vương kỳ...*

Thượng-tọa Mật-Thê đã dịch :

**« Thuyền sư học rộng bao la
Giữ mình hợp phép sám ra ngoài lời
Quê hương Cổ Pháp rạng ngời
Tháp bia đứng vững muôn đời đó đó**

— Thưa Cô, khi ngài tịch Ngài có để gì lại không ?

— Một bài kệ rất hay đáng lưu truyền hậu thế, nhất là đám thanh niên.

*« Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vịnh thu hựu khô*

*Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phò*

Cúng do thầy Thích Mật-Thê dịch :

**Thân như bóng chớp chiều tà
Cô xuân tươi tốt, thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành**

Chưa đầy 30 chữ mà sư Vạn-Hạnh tả nói lên thân phận kiếp người và đề cao triết lý hành động của Phật-Giáo.

— Thưa cô, Ngoài Sư Vạn-Hạnh còn ai nữa không ! Có những công tác gì nữa ?

— Nhiều lắm, kể sao cho hết. Cô chỉ lấy vài con số tượng-trung đề con suy luận :

Chỉ trong một năm 1120 mà khánh thành tới 84000 bảo tháp, một năm 1031 mà Hoàng-hậu bỏ tiền riêng ra dựng tới 95 ngôi chùa.

Một năm 1105 mà Hoàng-hậu bỏ tiền riêng ra dựng tới hơn trăm ngôi chùa nữa.

Chính đời Lý đã mở khoa thi Phật-giáo để chọn nhân tài. Hoàng-gia thức sĩ, kẻ xuất gia, người tại gia, hầu hết đều là giáo-dồ Phật-giáo. Nhờ vậy mà văn hóa dưới thời Lý tiến triển phi thường, Dân khí tráng liệt, cho đến cuộc Nam tiến mở bờ cõi cũng do nhà Lý.

Phật-giáo đã làm mạnh cho Quốc gia không ít. Cô chỉ nói với em một cách tổng quát, em nên tìm thêm tài liệu, sách vở để biết rõ hơn nhất là những tác phẩm về lịch-sử, văn học. Bây giờ chúng ta qua một giai đoạn khác đối chiếu với các triều đại..., thời đại nhà Trần.

— Nhà Trần, thưa cô, nước nhà cũng thịnh vượng lắm. Nhiều chiến công oanh liệt, thêm vào đó, Hội-nghị Diên-Hồng là oai hơn cả, vì đó là một việc làm hết sức dân chủ.

— Về Phật-giáo, nhà Trần nối tiếp nhà Lý. Vua Trần và hầu hết các vua khác đều là những ông vua Phật-giáo. Chính Trần Thái-Tôn, đã có lần lên núi Yên-tử tu... được Phù-Vân quốc-sư khai thị: « Phật không có trong núi. Phật chỉ ở trong tâm, nếu nhà vua hiểu được tâm thì đứng đâu là Phật ở đấy ».

— Cô cho con chép câu ấy. Chỉ mới nghe qua, con đã thấy nó chứa đựng một nội dung căn bản của Phật-giáo.

— Cũng *có thể vì tinh thần ấy, mà các hàng vua chúa, tướng tá nhà Trần sẵn sàng cầm gươm chiến đấu lúc có xâm lăng mà cũng sẵn sàng vào chùa tu tập khi quốc gia thái bình. Nhưng rồi...

Sư cô nghĩ hơi. Thanh vật vờ cắt một quả cam mời Sư cô, loay hoay chế trò. Sư cô nhìn theo, trong dáng điệu trầm tư. Bung tách nước kính cần để trước mặt Sư cô, Thanh lo lắng:

— Linh tính báo cho con biết có cái gì xảy ra không hay cho Phật-giáo tiếp theo những lời cô vừa kể.

— Đúng đó, Phật-giáo lúc ấy phát triển rộng quá, rộng quá hóa suy đồi vì lẽ nhiều kẻ lợi dụng. Thêm vào đó, phần đạo phù thủy từ Trung-Hoa nhập sang làm hại Phật-giáo rất nhiều. Nào vàng mã cúng kiến, vào bùa phép trừ ma khử quái chen lẫn vào, những tệ hại ấy xâm nhập nên Phật-giáo bị tào tạp như vậy.

Sự xuống dốc từ cuối Trần chạy dài xuống nhà Hồ, qua Bắc thuộc nhà Minh và đến gần hết hậu Lê. Bị thâm hơn nữa trong cuộc xâm lược của nhà Minh, Phật-giáo bị đốt, bị lấy hầu hết về tài sản văn-hóa. Đây là lúc u ám nhất của Phật-giáo Việt-Nam. Thế mà qua thời Nam Bắc phân tranh của Trịnh, Nguyễn thì Phật-giáo có cơ phục hưng. Tự viện được thiết lập hoặc trùng tu, thỉnh đại tạng kinh. Các vị Cao tăng cũng khá đông, trí đức đều cao, giáo hóa rộng rãi. Danh tiếng nhất là các Ngài Nhất-Cú, Lân-Giác, Hương-Hải, Nguyễn-Thiều, Minh-Hoàng, Liễu-Quán . . . Chính Ngài Minh-Hoàng lập chùa Từ-Đàm đấy. Nhưng không may lắm, qua triều Tây-Sơn và xuống triều Nguyễn, triều Pháp thuộc, thì Phật-giáo lại suy đồi. Cao-tăng cũng có nhưng chỉ như vài ngôi sao lẻ tẻ trên bầu trời đen tối.

Trong thời này, trong nhân gian. Phật-giáo chỉ còn như một thần đạo, lo cúng vái mà thôi!

Thanh thờ dài. Buồn hiện lên nét mặt, mắt nhìn về cõi xa xăm như than tiếc những thời đại huy hoàng nay không còn nữa, Sư Cô cười lớn bảo đệ tử:

— Có gì mà than thở con!

« *Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy.*

« *Thịnh suy như lộ thảo đầu phô* ».

Mà! nếu thịnh suy như sương phơi đầu cành thì có suy ắt hẳn có thịnh! Lo gì! Thôi Cô dừng ngay đây đã nhé, và hẹn con lần khác, vì còn lịch-sử dài lắm.

Sư Cô đứng dậy. Thanh đứng lên theo Cô lên điện Phật. Thanh vui vẻ nhập vào chúng điệu phát lồng đèn... tiếng thì thầm chuyện trò chen lẫn vạt tiếng cười.

Hộp thư :

Yêu cầu quý vị đại-lý và độc-giả lễ, vui lòng thanh toán tiền Liên-Hoa Nhâm-Dần (1962) để chúng tôi có phương tiện in các số tới. Xin cảm ơn.

Liên-Hoa

Ánh mắt Đi qua

Mấy mươi ánh mắt ngậm ngùi,
Hà sa vệt kiến qua rơi tằm lòng.
Nhập nhoàng trong vũng hôn mê,
Nhìn giao một chớp muốn trùng tâm tư.
Tự bao giờ đến bây giờ,
Nhìn giao một chớp nhìn ra mắt rồi.
Tự bao giờ đến bây giờ,
Nhìn giao một chớp nhìn ra mắt rồi.
Tiền sinh nhớ truyện luân-hồi,
Đèn chong hốt nhận bóng người muốn thu.
Triều dâng dâng một tiếng hò,
Hình xưa lớp lớp hư vô thoát về.

Thạch-Trung-Giã

XÁ VỆ

(Sarovasti)

Trích Đường về xứ Phật

THÍCH THIÊN-CHÂU

Tàu đến Balrampur vào lúc nửa đêm. Chúng tôi phải ngủ tại ga, đợi đến sáng mới đi Xá-vệ được. Câu «Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc Kỳ - thọ Cấp-Cô-Độc viên» mà chúng tôi thuộc lòng từ tấm bé hôm nay có ý nghĩa làm sao! Nó được lặp đi lặp lại nhiều lần với những cảnh sắc trang nghiêm, kỳ diệu khác nhau trong trí trước khi chúng tôi thiếp ngủ. Mặc dù đi ngủ trễ, nhưng sáng nay chúng tôi dậy sớm hơn thường lệ, sau một giấc mơ lạ kỳ khoan khoái. Lúc mới tỉnh dậy, chúng tôi cứ ngỡ là mình đang ở tại Kỳ-viên.

Chuyến xe bus sớm nhất đưa chúng tôi đến Xá-vệ sau gần một tiếng đồng hồ lướt qua các phố phường, làng mạc. Tất cả chúng tôi tự mang hành lý vào Đại-giác tự, ngôi chùa Trung-Hoa nằm bên cạnh Kỳ-viên. Đại-Đức Trụ-trì ở đây đi vắng. Nhưng chúng tôi vẫn nhận được sự tiếp đãi nồng hậu của một vị lão nữ cư-sĩ, người Calcutta lên ở lại đây để chép kinh. Món quà quý báu mà mỗi người chúng tôi đều nhận được đầu tiên là một quyển kinh Kim-cang do chính tay vị này viết tại đây, nơi Phật thuyết kinh này.

Thu dọn nơi tạm trú, tắm rửa và dùng sáng xong thì trời đã nắng; vả, chúng tôi muốn dành trọn một buổi cho việc đi chiêm bái Kỳ-viên. Tuy chỉ ở ngoại giới của Đại-Tông-Lâm, nhưng chúng tôi cũng đã hưởng được nhiều hương vị thanh tịnh giải - thoát. Có thể nói rằng ngôi

Đại-giác tự này là một tiểu tông-lâm, được xây dựng với ý nguyện phục hưng Phật-giáo tại đây của vị Đại-đức người Trung-Hoa này. Cây cối xanh tươi chen chúc nhau trên 10 mẫu đất bao phủ lấy ngôi chánh điện kiến trúc theo lối tổng hợp nửa Ấn nửa Hoa, khách-xá, trai đường và duyệt kinh rộng rãi ngăn nắp làm cho cảnh sắc của chùa đượm vẻ u-tịch, thanh thoát làm sao, khi chúng tôi được ở vào một nơi cách xa phố phường huyên náo không có lấy một tiếng động của cơ khí sau những lúc phải chung đụng với cảnh ồn ào của ga xe hỏa, sự tranh dành, ở bến xe bus, sự hỗn loạn của xã-hội loài người thiếu đạo đức! Khách xá của chùa hôm nay như vui hẳn lên vì được chứng kiến sự sinh hoạt ý nghĩa và nhịp nhàng của những người khách từ phương xa đến. Góc này Đại-đức Minh-Châu đang tiếp tục viết tập « Hsuan-tsang the torch-bearer of the Dharma » (Huyền-Trang, người làm sáng chánh pháp) và chúng tôi, đang sửa lại những bản thảo đầu tay về cuộc chiêm bái để gửi cho Liên-Hoa. Đàng kia, thầy Pasadika xem lại lịch-sử Kỳ-viên để giảng giải ngay những nơi mà chúng tôi sẽ đến viếng. Cạnh đó là thầy Huyền-Vi đang đánh máy tài liệu quyển « Đường về xứ Phật » Tiếng lác cắc của máy đánh chữ làm chúng tôi nhớ lại lời của Giáo-sư Thạch-Trung-Giả, tác giả của những vần thơ huyền-bí nhưng đầy ý-nghĩa, đã nói với chúng tôi trên đồi Hải-Đức (Nha-trang): « Thầy ạ, tôi yêu thích làm sao hình cảnh một vị sư ngồi trước máy đánh chữ » Khi mới nghe, chúng tôi tưởng Giáo-sư muốn phê bình sự sinh hoạt đời mới của một số chư Tăng ngày nay. Nhưng với những lời giải thích của Giáo-sư và đến nay sau khi chứng kiến đầy đủ hình ảnh hòa hợp giữa tĩnh và động ấy, động trong tĩnh và tĩnh đề mà động, chúng tôi mới thấy giáo-sư Thạch-Trung-Giả có lý. Thật vậy không gì đẹp hơn hình ảnh một nhà tu trong cảnh thuyên môn thanh tịnh đang ghi lại những chơn lý hữu ích sau khi chín chắn suy tu (bằng máy móc mà khoa học đã sáng chế nhưng

loài người chưa biết dùng nó dùng mức vào việc đạo đức (tốt đẹp) để phổ biến cho cuộc đời hỗn loạn.

Chúng tôi khởi hành cuộc chiêm bái vào 2 giờ 35 phút lúc trời đang nắng. Đường đi đến Kỳ-viên tuy không xa nhưng cái nắng khô khan, gay gắt hôm nay thúc dục khách hành hương rảo bước để được sớm đến chỗ. Kỳ-viên nay là một khu rừng rộng độ 50 mẫu tây nổi lên giữa cánh đồng lúa xanh vàng bát ngát, cách kinh thành Xá-vệ cũ độ hai cây số. Càng đến gần, chúng tôi như được cây lá tươi mát ở đây đón mời nghỉ nắng. Chúng tôi đến ngồi dưới một tàng cây bên cạnh những khóm hoa rừng đang nở. Thỉnh thoảng hương thơm theo gió đến cho chúng tôi những khoái cảm nhẹ nhàng dịu ngọt. Đàn chim trên cây tiếp tục hòa tấu bản nhạc «ca lãng tần già» mà chúng đã bỏ dở khi chúng tôi mới đến.

Chúng tôi đang miên man với điệu nhạc với hồn thơ thanh thoát thì tiếng nói trong êm của thầy Pasadika vang lên, xin thi hành bổn phận: kể lại lịch-sử của Đại-Tông-Lâm:

«Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn ở tại vương-xá (Rajagriha). Ông Cấp-Cô-Độc (Anàthapindika người hay giúp đỡ cho kẻ nghèo khó) là một triệu phú và đã có tôn-giáo, nghe danh ngài, từ Xá-vệ lặn lội đến xin yết bái đức Thế-Tôn. Ông vào Trúc-Lâm đánh lễ Phật và cúng dường chúng Tăng. Đức Thế-Tôn hứa sẽ đến thăm Ông tại Xá-vệ.

Về đến nhà, ông Cấp-Cô-Độc liền tìm một nơi xứng đáng để đón rước đức Phật. Vườn ông rộng nhưng không đẹp. Trong thành chỉ có một huê-viên rộng và đẹp nhất nhưng lại là sở hữu của Thái-tử Kỳ-Đà (Jita). Ông đánh liều đến hỏi mua. Thái-tử không bán. Ông nài nỉ mãi. Thái-tử cười và trả lời:

«Tôi sẽ bán nếu ông lát vàng khắp khu vườn». Ông Cấp-Cô-Độc bằng lòng mua một cách sung sướng và trở về cho người đem vàng tới lát. Còn một khoảng đất

chưa được lát xong, nhưng vì cảm mến đạo tâm quá mạnh của ông Cấp-Có-Độc nên Thái-tử vui vẻ bảo :

Thôi đừng lát nữa, tôi chỉ lấy một nửa số vàng và xin cúng tất cả cây cối trong vườn cho đức Phật.

Tìm được nơi rồi, Ông Cấp-Có-Độc cho người thân tín sang Vương-Xá thỉnh Phật, Vài ngày sau, Ông cùng gia-đình và rất nhiều người tai mắc trong thành ra đón rước và thỉnh Phật về Kỳ-viên. Ông dâng cúng khu vườn cho Phật và chur tăng làm nơi thường-trú vĩnh-viễn. Đề kỷ-niệm đạo tâm của hai đại thí-chủ, đức Phật đặt tên huê-viên này là « Kỳ-thọ Cấp-Có-Độc viên » (Jctavana Anāthapindi Karāna sự tích này được khắc vào Bharhut trong thế-kỷ thứ hai trước T.L.), Và nói cảm-tưởng của Ngài đối với Đại-Tông-Lâm này:

« Huê-viên này là nơi thường-trú tốt nhất của Như-Lai và Giáo-hội. Chúng tôi sẽ được sống yên ổn nơi đây vì khí hậu không quá nóng và quá lạnh, Thù dữ không vào đây được. Muối mòng không có, nên sự lĩnh lặng được hoàn-toàn. Huê-viên này chế ngự được mưa to, gió lạnh và nắng khô. Nó sẽ gây hứng cho nguồn đạo niệm và chúng tôi có thể thuyên-định từ giờ này qua giờ khác một cách dễ dàng. Nó thật xứng đáng làm lễ vật cúng dường cho Giáo-hội. Người Cư-sĩ tận tâm cúng dường chur Tăng phòng xá, y thực. Bồn-phận chur Tăng phải dạy bảo Cư-sĩ chánh-pháp và người nào thông ngộ chánh-pháp sẽ được giải-thoát ác đạo và chứng đại Niết-bàn ».

Và từ đó, đức Phật và Giáo-hội thường-trú tại Huê-viên này. Gia-đình Ông Cấp-Có-Độc hằng ngày hoan hỷ cúng dường tứ sự cho Giáo-hội. Nhưng một hôm ý nghĩ tốt đẹp và rộng rãi sau đây đã đến với Ông:

« Ta sung sướng lắm vì ta đã có thiện duyên được cúng dường Phật và chur Tăng. Ta sẽ được gặt hái

phước-quả trong đời này và đời sau. Nhưng tại sao chỉ một mình ta và Gia-đình ta được hưởng công đức ấy? Không được! Ta phải chia sẻ công-deức cho kẻ khác. Ta sẽ kêu gọi đạo tâm của nhiều người, để họ cũng hưởng được công-deức như ta ».

Ông bèn vào yết kiến Vua Ba-Tư-Nặc (Prasenajit) và trình bày những điều Ông muốn. Vốn là một vị minh quân, hơn nữa vì kiên nhẫn Ông Cấp-Cò-Độc, một ân nhân đã ủng-hộ nhiều cho ngân-quỹ quốc-gia, Vua liền chấp nhận. Trong bảy ngày liên tiếp Ông đi khắp các nẻo đường báo tin cho dân chúng biết hiện có đức Phật và chư Tăng đang ở tại Kỳ-viên và kêu gọi họ đến nghe pháp và cúng dường, để góp phần công-deức. Trong vô số người hưởng-ứng, có hai tín nữ đáng ghi nhớ hơn hết là một cô gái nghèo nhất Xá-Vệ và bà Vishkha, (Tỳ-Xá-Khư) giàu không kém gì Ông Cấp-Cò-Độc.

Cô gái nghèo này vì kính mộ đức Phật và mến trọng cử chỉ khiêm nhường chơn thiết của Ông Cấp-Cò-Độc đã dâng hiến chiếc áo đay nhất của mình. Sau khi biết được đạo tâm của Cô này, Ông Cấp-Cò-Độc cho người đem đến biếu Cô rất nhiều chiếc áo đẹp khác. Nhưng qua hôm sau Cô từ trần và được sanh lên cõi trời Đế-Thích rồi nhớ lại tiền kiếp, Cô đã xuống nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ-viên.

Còn bà Vishakha là người giàu có và đông con cháu đã trở nên một Phật-tử chơn thành và biết hộ pháp. Một hôm, sau khi đức Phật và chư Tăng thọ trai tại nhà Bà xong, Bà xin đức Phật cho phép Bà được toại nguyện trong tám điều:

« Trọn đời cúng dường:

- 1) Y trong mùa mưa (ngoài ba Y) cho các thầy Tỳ-kheo.
- 2) Thực-phẩm cho các thầy Tỳ-kheo mới đến.
- 3) Thực-phẩm cho các thầy Tỳ-kheo đi xa.

- 4) Thực-phẩm cho các thầy Tỷ-kheo bệnh.
- 5) Thực-phẩm cho những người nuôi các thầy Tỷ-kheo bệnh.
- 6) Thuốc men cho các thầy Tỷ-kheo đau.
- 7) Cháo-sữa buổi mai cho Giáo-hội.
- 8) Y tắm cho các cô Tỷ-kheo-ni.

Đức Phật đã hứa cho sau khi nghe Bà giải-thích đầy đủ về lý-do. Ngài dạy: «Lành thay! Lành thay Vishakha! Người đã khéo xin Như-Lai tẩm điều trên với những lý-do rất xác đáng và lợi ích. Cúng dường cho những người đáng cúng dường chẳng khác nào gieo giống trên đất tốt và như vậy sẽ gặt hái được nhiều kết quả.

Trái lại cúng dường những kẻ thiếu đạo-đức, còn mang nặng đục-vọng chẳng khác gì gieo giống trên đất xấu. Nặng đục-vọng của người thọ lãnh làm khô chết giống công-đức của người cúng dường».

Chính đức Phật đã tán thán công-đức của Bà Vishakha:

«Người đệ tử chơn thành của Như-Lai luôn luôn hoan hỷ và không chút hối tiếc trong lúc cúng dường bất cứ một phẩm-vật nào. Do đó ưu sâu tiêu sạch, công-đức phát sanh. Đời sống phước lạc này giúp người bước lên con đường giải-thoát những sự triền phược và bất tịnh của cuộc đời. Sự hưởng thiện ấy sẽ làm cho người có hạnh-phúc và an-lạc trong công việc từ-thiện».

Ngôi tinh xá Pùrvārāwa ở về phía đông Kỳ-viên là của Bà Vishakha dâng cúng. Và Bà là người lãnh đạo của những tín nữ ở Xá-vệ.

Đại-đức Minh-Châu tiếp thêm: chính nhờ ngoại duyên đầy đủ mà đức Phật đã thường trụ tại đây gần 25 năm. Phần lớn các kinh điển quan trọng đều được đức Phật thuyết tại đây. Chính từ nơi đây, các thầy Tỷ-kheo tài

đức đã đi khắp các xứ lân cận để truyền bá giáo pháp của đức Phật.

Cây Bồ-đề: Đến đây, sau một lúc nghỉ nắng, chúng tôi bắt đầu đi thăm từng cảnh một. Đi về phía đông và nơi mà chúng tôi đến đầu tiên là cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề này chính do ông Cấp-Cô-Độc thỉnh một nhánh từ cây Bồ-đề Phật thành đạo đem về trồng tại đây. Tuy không được xanh tốt như cây Bồ-đề ở Bồ-đề đạo - tràng nhưng nó vẫn giữ sắc thái hùng vĩ, oai nghiêm nổi bật lên trên những cây khác mọc xung quanh nó. Mỗi khi nhìn thấy cây, lá Bồ-đề là lòng chúng tôi ngập tràn niềm vui tin tưởng. Bởi nó là một vật kỷ niệm quý báu và cũng là biểu trưng cho nền đạo giác ngộ. Ánh nắng chiếu vào những lá Bồ-đề xanh láng làm cho toàn cây như tỏa ra một vòng hào quang mát dịu.

Chúng tôi dành thời gian rất ngắn cho những nơi ít quan trọng, có nhiều nơi chỉ lướt qua. Chùa và Tinh-xá ở đây không biết bao nhiêu mà kể tuy chỉ còn lại những nền gạch. Chúng tôi chỉ đến chiêm bái và nghiên cứu tỷ mỉ những cảnh sau đây:

Chùa số 3: Chùa này là thánh tích thiêng liêng nhất ở Kỳ-viên, do ông Cấp-Cô-Độc dựng lên làm nơi thường trú cho Phật. Trước mặt chùa có hai bệ gạch xây lên trên con đường kinh thành cũ của đức Phật. Trên tượng của một vị Bồ-tát được tìm thấy gần chỗ này có một bia ký thuộc thế-kỷ thứ nhất sau Tây-lịch chép rằng tượng này được dựng lên tại chỗ kinh hành của đức Phật — Kosambakuti — bởi ông Bala trong triều-dại của một vị vua Kushan. Ngài Huyền-Trang có thấy tượng này.

Chúng tôi đánh lễ và tưởng niệm tại chỗ này, trên một nền gạch đầy sỏi đá. Đầu phơi nắng, trán chạm đất cát nhưng chúng tôi cảm thấy sung sướng và mát dịu làm sao! Vì chúng tôi quán tưởng rằng đức Phật đang an tọa chính nơi đây. Hai bàn tay và trán chúng tôi chạm đến đôi bàn chân của Ngài. Nhưng đó chỉ là một sự ước mơ,

Dầu sao sự ước mơ này cũng đã cho chúng tôi một niềm an lạc.

Tinh-xá số 19: Tinh-xá số 19 này nằm về phía Tây, day mặt về phía Đông. Đây là Tinh-xá lớn nhất ở Kỳ-viên, gồm có một điện Phật, một cái giếng giữa sân, 22 Tịnh-thất nhỏ vây xung quanh và một số trụ lớn chạy theo hành lang phía trong. Hình như Tinh-xá này được xây đi dựng lại đến 3 lần trên một nền móng. Ngôi xưa nhất nay chỉ còn thấy một phần tường thuộc về thế-kỷ thứ 6, sau Tây-lich. Ngôi thứ hai có lẽ thuộc thế-kỷ thứ 10, tại đây người ta có tìm được một số tượng Phật có một tượng trong cử chỉ bắt ấn Bhumisparśamudra, với đức Quan-Thế-Âm và đức Di-Lặc hầu hai bên, một bức chạm tích con vợ nung đất cúng Phật; hai bức chạm có bia ký chép thuộc thế-kỷ thứ 9, thứ 10. Ngôi Tinh-xá được dựng lên cuối cùng thuộc thế-kỷ thứ 11, 12 nay nền móng vẫn còn. Nền móng hình vuông, mỗi bề độ 36 thước tây, một sân không lợp ở chính giữa, xung quanh là Tịnh-thất của chư Tăng, có hành lang chạy dài phía trong. Phòng chính xây mặc về phía các cửa là một điện Phật nên bất cứ ai bước ra cũng đều thấy tượng Phật trước hết. Tinh-xá này có tất cả là 24 phòng. Trong mỗi phòng có một giường nhỏ bằng gạch. Trong một Tịnh-thất ở Tinh-xá này có đào lên được một tấm đồng khắc rằng Thái-tử Govindachandra xứ Kanauj năm 1130 sau Tây-lich có dành lợi tức của một vài chùa xung quanh thành Xá-Vệ để cung cấp cho các vị Tỷ-kheo ở Kỳ-viên. Nhờ tấm đồng này mà người ta biết đích xác chỗ Saheth này là Kỳ-viên và chứng tỏ đạo Phật ít nhất là đến thế-kỷ thứ 12 vẫn còn thịnh hành ở Ấn-Độ.

Những Tinh-xá tương tự như thế này rải rác cùng khắp các hướng Đông, Bắc, Nam như Tinh-xá F và G, v. v...

Chúng tôi nghĩ rằng lối kiến trúc Tinh-xá ở đây thật là đúng với giới luật và thích hợp lợi cho việc thuyên

quán của chư Tăng. Sự chung đụng nhiều quá giữa người và người thường gây ra những sự bất lợi cho người tu hành về thời giờ và tâm niệm. Sự tĩnh lặng giúp cho người tu hành đủ sáng suốt để biết rõ mình hơn và không bị lôi cuốn bởi ảnh hưởng xấu của kẻ khác. Tuy nhiên nếu sống tách rời nhau quá cũng dễ sinh ra chia rẽ và đố kỵ và nhất là không hưởng được sự dặt dìu và kiểm soát của Thiện-tri-thức. Do đó, theo thiên ý của chúng tôi mỗi người một phòng và sống gần nhau trong một Tinh-xá là sự cư trú tốt nhất của chư Tăng. Lối kiến trúc chùa chiền theo kiểu chữ khẩu hay chữ môn bên ta quá chú trọng đến việc thờ phượng và chỉ tiện lợi cho sự công phu sám tập thôi. Chúng tôi chưa được thấy Tông-lâm nào có những Tinh-xá thích hợp cho việc thuyền quán của chư Tăng như ở đây.

Sau gần hai tiếng đồng hồ chiêm bái, viếng thăm, tìm hiểu tất cả chùa chiền, Tinh-xá khắp nơi trong Kỳ-viên, chúng tôi đến viếng một cái hồ rộng nằm giữa những vòm cây được xem là hồ tắm của chư Tăng rồi đến một cái giếng lớn và nền của một phòng tắm được xem là nơi tắm của đức Phật. Qua những cái giếng còn lại chúng ta cũng biết được số đông đảo chư Tăng trong lúc Phật còn tại thế và những thế-kỷ tiếp theo.

Trời đã diu nắng. Cây lá đổi màu. Chúng tôi đồng leo lên một ngọn đồi không cao lắm gần bên hồ để được nhìn thấy toàn cảnh Kỳ-viên. Có lẽ vì muốn được yên tĩnh để suy tư những lời Phật dạy ngay trong cảnh mà ngày xưa đức Phật đã thường trú nhiều năm nên Đại-đức Minh-Châu đề nghị mỗi người nên tìm một chỗ để tĩnh tâm độ 30 phút trước khi ra về. Thầy Pasadika không đề mất cơ hội thuận tiện nên xin tất cả ngồi lại trên đồi này độ 10 phút nữa để Thầy kể tiếp lịch-sử của Kỳ-viên.

(Còn nữa)

ĐẠI-HỘI HUYNH-TRƯỜNG

Gia-đình Phật-tử Trung-phần

MINH-GIANG

Những mối lo . . .

TÔI thấy sự lo lắng hiện lên nét mặt của người Chị Cả đáng kính (Chúng tôi thường gọi Chị Trường-ban Hướng-dẫn Trung-phần bằng Chị Cả, có khi thân mật hơn, chúng tôi lại tặng Chị danh từ MẪU). Cái thân gầy còm lại càng gầy thêm, vành tóc quấn trên đầu tuồng như nhỏ bớt, vì tóc rụng đi nhiều lắm.

Chị xăm rắm vừa mới vào cửa văn-phòng đã hỏi:

— Ánh ơi! có thêm gì không em?

«Gi» ở đây có nghĩa là các thư báo tin, các tờ tường trình về Đại-hội. Vài bức thư, một tấm điện-tín cũng đủ là những viên thuốc bổ làm mặt Chị thêm sáng, má Chị nở ra và những nét nhăn bớt sâu đi! Tôi chỉ biết im lặng nhìn Chị. Những lúc này tôi cảm thông sâu xa ý-thức trách-nhiệm của những con người biết trách-nhiệm.

Nhưng tôi lại ghét Chị liền. Thật là vô thường. Vô thường từng sát-na. Tôi ghét Chị lúc Chị quay lại hỏi:

— Giường có chưa?

— Chưa.

— Mùng có chưa?

— Chưa.

— Phòng họp sắp chưa?

— Cũng chưa.

Chị không nói, không rằng, ngồi phịch xuống ghế. Tôi lảng-lặng bước ra thì hai chiếc xe vận tải chở giường đến, chiếc xe xích-lô chở mùng theo sau. Thế rồi, Chị lại chạy ra, trách móc:

— Rúa mà làm Chị lo quá sá! Không lẽ mời « người ta » về mà nằm xi-măng rằng?

Tôi lại càng ghét thêm. Ai đời đã phân-công rồi mà không tin-tưởng chi hết! Độc-quyền đến cả độc-quyền lo.

Chị lại đến bên tôi nói khẽ:

— Em ơi, thế là 13 tỉnh đã báo về rồi đó. Phan-thiết không về được nhưng cam-kết sẽ thi-hành mọi quyết-nghị của Đại-hội. Chỉ còn Khánh-hòa và Phú-yên . . . nhưng không biết Saigon sẽ nghĩ sao?

Đến đây, không thề cầm lòng được, tôi cười phì:

— Chị thì lo với lo . . . Hết lo đại-biểu không về được vì đường sá, lại lo cho đến tận Saigon!

Nghĩ sao ?

. . . « Bước vào Hội-trường này, xin quý Anh, Chị Đại-biểu đừng vương-vấn ý-nghĩ cuộc tái-ngộ hôm nay có hướng đi ngược lại tinh-thần Đại-hội Thống-nhất . . . Vì rằng, bánh xe tiến-hóa khi đã quay đúng chiều, sẽ cuốn phăng những gì muốn cản trở. . . Chúng tôi lẽ nào lại muốn làm cát gậy thợ vào bánh xe? . . . » (Trích diễn-văn khai-mạc) Giọng Chị run run, nhưng có vẻ quả quyết. Bất giác, tôi nhìn xuống hàng Đại-biểu: mọi cặp mắt hướng lên Chị. Một cái gì yên hòa đang ngự-trị, nhất là những cặp mắt của Đà-Nẵng, sáng hơn ai hết. Ai nấy đang chờ đợi. Chờ đợi việc làm của mình ở Hội-nghị . . .

« Hội-nghị này, chúng tôi xin thừa, trọng-tâm của nó là nhìn vào bản chất của Gia-đình, nhìn vào hoạt-động nội tại của chúng ta, nhìn vào thực-trạng của tổ-chức, để kịp thời tìm cho Gia-đình Phật-tử một đường lối tiến-hóa . . . »

Vâng, có kẻ đã la lên « Gia-đình Phật-tử đã trưởng-thành! »

Căn-cứ vào đâu để minh chứng sự trưởng thành ấy? — Vào số lượng — Có người lại tỏ vẻ bi-quan vì số lượng thì có mà chất lượng thì rỗng không. Cả hai đều quá đáng. Điều mà chúng ta thấy rõ nhất, cũng như qua những lời báo-cáo của các Tỉnh-hội thì «cung» không chạy kịp «nhu» và Gia-đình đang «cổ thoát ra khỏi một tình-trạng bế-tắc. Nhân-lực thiếu, tài-lực thiếu, những món ăn tinh-thần và chuyên-môn cũng thiếu . . .» (Trích điển-văn khai mạc) Vì lo âu cho tổ-chức, vì không thể thờ-ơ khi phong-trào lãng-xuống và vì muốn nung nấu tinh-thần phục-vụ qua chông gai hiểm trở mà Hội-ngiht cần phải được triệu tập!

Làm được những gì?

Trên 40 đại-biêu của 13 Tỉnh-hội đã làm được những gì trong hai ngày hội-ngiht? Sau khi trao cho nhau những kinh nghiệm hoạt động tại tỉnh mình, sau khi nói cho nhau biết những khó khăn trở ngại và sau khi rí vào tai nhau những mối lo hội nghị đã vạch một chương trình hoạt động cho năm này.

Thư nghe thuyết trình viên lên tiếng.

* Trước hết, hướng hoạt động của G.Đ.P.T. Trung-phần năm nay, về tinh thần thì «Đưa Đạo vào đời để thể hiện tinh thần cứu thế của Phật-giáo», về tổ chức thì «thống nhất hành động».

Thứ nữa, đạt đến mục đích ấy phải thực hiện những gì? về tinh thần phải «Tu», nói theo nghĩa Việt là SỬA ĐỔI. Sửa đổi bản thân theo tinh thần Phật-giáo, hay nói một cách chuyên môn hơn «Sống với giáo lý».

Do đó, hội-ngiht mới xin Thầy giảng-sư cho G.Đ.P.T. Về tổ chức, muốn thống nhất phải có tài liệu học tập cho Huynh-trưởng và đoàn-sinh trong lúc vì hoàn cảnh, chưa mở được những trại huấn luyện quy mô. Về hành chánh, một chương trình kiểm tra đoàn sinh sẽ được thực hiện — Tập thông tư liên lạc sắp được sống dậy để làm sợi dây tinh thần?

Về tài chánh, thì phương ngôn «đông tay vô nên bộp» đã được đề ra... đề trao cho ban HD Trung-phần có đủ điều kiện hoạt động.

Chùng ấy cũng đã quá nhiều... Lúc viết bài này, Minh-Giang này nghe đâu các Anh đã mở một kỳ « bát quan trai » để tu chỉnh và soạn thảo xong tài liệu cấp I, cấp II rồi.

Cương quyết mà không cương quyết.

Đó là trường hợp của chị cả khi bầu ban Hướng-Dẫn — Chị cương quyết từ chối, từ chối cho đến khi được tin nhiệm tuyệt đối, nghĩa là 100 phần 100 phiếu, nhưng rốt cuộc, chị cũng không cương quyết được vì lẽ hội-nghị quá tin nhiệm và quá khẩn thiết yêu cầu!

Thế là, cái nghiệp Trưởng-ban của chị chưa hết... Nhưng mà năm nay, chị lại có người cộng tác chặt chẽ, chia bớt trách nhiệm mà những năm trước hai vai gánh nặng... « Phó trưởng ban phụ trách ngành nữ » chị Nguyễn-thị-Bắc Đà-lạt. Quả thật xứng đôi! những con người đã « hy sinh » (nói theo kiểu của Hòa-thượng Pháp-chủ) cho tổ chức! Ngành nữ thiệt tốt phước. Có tiếng xầm xì: Chỗ nào « Mẫu » hiện là có « Đức Bà ». Trưởng ban không thay đổi, các ban viên khác được mời lưu lại như cũ...

Máu chảy ruột mềm...

Có những giòng máu đã chảy vì tổ chức, sao lại không nói ra? mà phải chờ nhắc! Trong cái nghĩa Gia-dình, có chứa đựng huyết-thống. Và khi máu đã chảy nơi nào đó, hẳn ruột tứ phương phải mềm lại... Đó là những ý nghĩ tuy không-phân tích trên lời nói, nhưng cũng đặt thành một vấn-đề đáng được quan tâm!

Sinh khí bùng dậy

Hai ngày hội-nghị, không kể họp trừ bị và họp bế mạc, đã không phụ lòng các đại-biêu. Đã đến lúc ban H.D Trung-phần phải thôi lên luồng sinh khí để lay động những cánh tay, để bùng lên ánh mắt và thúc đẩy... đôi chân.

ĐÍNH CHÍNH

Liên-Hoa số 5 bài « Về Cội » ở trang 40 Lê-văn-Miêu xin đọc là **Lê-văn-Miên**.

L. H.

Ô Lê V. Châu (Quảng-Trị)

Hai con mắt bị đau đã chữa cách đây sáu tháng tại nhà thương không có hiệu quả. Thường hay chảy nước mắt sống và xốn khó chịu, hay máy mắt.

Trả lời:

Ông nên khám xem có cần đeo kính không. Đo áp lực của mắt (tonométrie) xem có bị tăng không. Hiện thời khuyên ông nên dùng HYDROCORTISONE COLLYRE giỏ vào hai mắt mỗi ngày 3 lần mỗi lần hai giọt vào mỗi mắt.

Ô N. Lang (Huế)

Đã hai năm rồi mắc chứng bệnh sau đây:

— Hôn dài đóng vẩy, ướt, ngứa, hôi khó chịu, xung quanh đó thì lở ghẻ ngứa.

— Có một lớp mỏng, trông như bột gạo ngâm nước, màu trắng hơi vàng, nó đóng phía trong lớp da của vôi nước tiều.

Trả lời:

Ông nên tắm rửa sạch sẽ ngày một và dùng xà-phòng a-cil (như DERMACID, LACTACYD) chứ đừng dùng xà-phòng thường hoặc xà-phòng thơm. Xoa POMMADE ANTIDARTREUSE COPHAVINA vào chỗ lở ngứa một lần, đợi vài ngày có vẩy khô đen thì lột đi. Uống THI-AZOMIDE ngày 2 lần mỗi lần 2 viên, uống trong 5 ngày.

Bà N. T. T. Loan (Quảng-Ngãi)

Cháu nhỏ sau khi sanh được 22 hôm thì nổi một nốt đỏ dẹt ở dưới lông mày bên mặt. Khám Y-sĩ bảo mụn dưới da, có thể tiêu đi hoặc nếu lớn thêm thì sẽ mổ. Nhờ Bác-sĩ chỉ giúp căn bệnh và cách điều trị.

Trả lời:

Mụn nổi lên ở mắt khó mà nói trúng căn nguyên nếu không thấy nó ra sao, rồi nó ra sao. Bà đã tả kỹ càng các đặc tánh của mụn đó nhưng không khám được tận mắt tận tay tôi không chẩn bệnh được và không chỉ về cách điều trị được. Y-sĩ đã bảo bà không hề gì thì tôi cũng mong ông ta nói đúng. Khi nào bà thấy mụn đó tiến triển khác thường thì bà nên đến Y-sĩ xem lại để nếu cần thì ra Bệnh-Viện Huế khám và điều trị.

Ô. Bùi Căn 52 tuổi (Quảng-Nam)

- Đàm ở cổ nhiều, đặc, ban đêm ho nhiều hơn ban ngày.
- Đã tiêm *Didromycine* mà không bớt.

Trả lời:

— Uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần một muỗng to thuốc ho BÉ-CANTEX; khuya có ho có thể dùng thêm 1 muỗng to nữa. Đồng thời uống 2 viên PHOSMYCINE sau cơm trưa và 2 viên sau cơm tối, uống luôn trong 5 ngày.

— Châu nhỏ 5 tuổi bị suyễn, cách 1 tháng lại lên cơn một lần. Bệnh suyễn là một bệnh dầy dụa, có người bị từ nhỏ đến già, không sao chữa dứt được. Khuyến con ông nên dời chỗ ở, tránh bụi bặm. Có thể uống thuốc CORTIDASMYL sáng 1/2 viên chiều 1/2 viên uống trong 5 ngày nghỉ, tháng sau uống lại.

Ô. Tâm-Đặng (Quảng-Trị)

Cháu nhỏ 10 tuổi bị bệnh sán kim, hay ngứa hậu môn vào giờ ở đó luôn. Đã xổ bằng Pipéragine và Santonine Calomel. Bệnh không hết, cháu cứ đau ngang rốn, không được khỏe mạnh hồng hào.

Trả lời:

Ông nên cho cháu xổ bằng NÉOBEDERMINEBAYER, thứ dung dịch trong dầu thù-đu 14%. Cháu 10 tuổi thì uống 5 muỗng mỗi buổi sáng nhịn đói; cách bốn giờ sau thì có thể cho cháu ăn cơm như thường lệ. Chỉ uống có một lần đó thôi. Muốn xổ lại phải đợi ít nhất là 15 ngày sau và cũng theo cách thức chỉ vẽ trên. Nên cho cháu thường ngày uống một ống CALCIUM CORBIÈRE trước cơm trưa và một ống BIOTONIC FARNEMA trước cơm tối.

Ô. T.S. T. V. Mân KBC 4992

Ngẹt mũi và chảy mũi nước cả ngày. Đã dùng RHINEX, PRÉ-VINE, mà không thấy bớt.

Trả lời:

Dùng các thứ thuốc trên là để trị triệu chứng chứ không trị nguyên căn. Mà ngẹt mũi và chảy mũi nước có thể vì viêm mũi hoặc viêm các bông xương ở mặt (sinusite). Ông đến bệnh viện mà khám mũi cho kỹ, tìm ra nguyên nhân mà trị thì mới có thể lành được.

Ô. N Ng Han KBC 4577

Dương vật gần một tháng nay bị nổi những mụn li-li như mụn sảy chung quanh quy đầu. Không có mủ, không chảy nước, không đau, nhưng hơi nóng, tiểu tiện đôi khi hơi nhức:

Trả lời:

Tiêm DIDROMYCINE mỗi ngày 1 ve 1g vào mông, chích trong 5 ngày (hoặc uống ALBAMYCINE GU. 1 viên sau cơm sáng trưa và tối, uống trong 5 ngày). Xoa POMMADE HYDROCORTISONE lên chỗ nổi sảy ngày 2 lần.

Vị nào nhờ Bác-sĩ mách thuốc xin đề: **Bs NGUYỄN-KHOA NAM-ANH**

213, Huỳnh-thúc-Kháng —Huế

ĐẠI-LỢ' I

151, Trần-Hung-Đạo — HUẾ

Chuyên bán tạp phẩm kiêm
nhà thầu vẽ số kiến thiết.

Chủ nhân

Trần-Ngọc-Đợi

Pháp danh: TÂM-THIỆT

CHƯƠNG-LAN

ĐẠI LÝ:

Hãng BGI Bia nước Cam



Hãng xe Vận-tải

ANH-MINH

101, Huỳnh-thúc-Kháng — HUẾ

ĐẠI LÝ:

Xăng nhớt, Dầu
Hãng ESSO



Hãng đắp vỏ xe hơi

CHÂU-BÁ

Từ gác số 1 Bốn xe

Trịnh - Minh - Thế — HUẾ

HÀNG - VẬN - TẢI

TÁI-HƯNG

Nhận thay khách hàng chuyển vận hàng hóa
Bằng xe lửa trên đường SAIGON-ĐÀ-NẴNG-HUẾ
Nhận thay khách hàng mua và bán hàng hóa

96, Đại lộ Khổng-Tử CHOLON

Điện Thoại 36961

62, Bến Bạch-Đàng ĐÀ-NẴNG

8, Tô Hiến Thành HUẾ

TIN TỨC

Chư Tăng Ni nhập hạ. — Luân hành giới luật của Phật, nên nửa hè năm nay cũng như các năm trước chư Tăng Ni trong Giáo-hội Tăng-già toàn quốc Việt-nam đều nhập hạ đề * tiến tu đạo nghiệp * ở các trú sở Giáo-hội Tăng-già, các Phật-học-viện, các Ni-trường và các tổ-đình, chỉ trừ một vài vị vì bệnh duyên hay bận rộn nhiều Phật sự phải giao tiếp nhiều mới ở ngoài mà thôi.

Ký túc xá cho học Tăng Trung - phần. Hiện nay có nhiều học Tăng ở Trung và Sài-gòn đề học thêm ngoại điển tại các trường Trung và Đại-học. Muốn cho các học Tăng ấy tiện việc học tập và tu niệm nên ban Quản-trị Phật-học-viện Trung-phần tại Nha-trang đã mua một sở đất rộng rãi tại xóm gà Gia - đình đề xây cất một Ký-túc-xá dành cho những học Tăng ấy. Hiện nay đã cất xong nhà hậu và chuẩn bị xây thêm một Phật đường.

Hai tập sách mới xuất bản do Đạo-hữu Chánh-Trị biên soạn :

— *Ma ha bát nhã ba la một đả tâm kinh.*

Là dịch và giải rất rõ ràng bài kinh * Bát nhã * chúng ta thường tụng, Sách in đẹp dày 90 trang, giá 25 đồng.

— *Le Bouddhisme au Việt-nam.*
Là một tập sách nói về lịch-sử và những thành tích hoạt động của

Phật-giáo Việt-nam xưa và nay, viết bằng 3 thứ chữ Việt, Pháp và Anh. Có in hình: Các danh lam Phật tích, các cơ-quan Phật-giáo hiện tại, các cuộc lễ lớn các cuộc hội nghị đặc biệt... Sách in đẹp, dày trên 100 trang giấy lớn, giá mỗi tập 130 đồng.

Hai tập này hiện đã phát hành tại chùa Ấn-Quang, và Xá-Lợi Sài-gòn.

Chúng tôi xin tán dương công-dức Sa-gan-già và hoan hỷ giới thiệu cùng độc giả xa gần hai tập sách giá trị trên.

TIN THẾ GIỚI

Tĩnh-độ tông tại Hạ-uy-Di. — Đại-Đức Shinko Nakashimo đã đến Honolulu thủ-đô đảo Hạ-uy-Di đề trông coi về Tĩnh-độ tông tại đây thay thế cho Đại-Đức Miyamoto trở về Nhật sau khi đã đến Hạ-uy-Di từ năm 1915 Đại-Đức Nakashimo 72 tuổi đã tốt nghiệp tại đại học Tokyo và đã đỗ tiến-sĩ văn-chương tại Đại-học-đường Columbia ở Nữ-ước.

Trường học cho các Lạt-ma nhỏ tuổi. — Bà Freda Bedi đã mở tại Tân-Đề-Li (Ấn-độ) một trường học đề cung cấp học vấn cho các Lạt-ma trẻ tuổi bằng tiếng Anh và tiếng Hindi trong thời gian sáu tháng.

Trường này trước kia được mở tại vườn hoa Green Park ở Tân-Đề-Li. Đây là một tổ chức tình nguyện đã được chính-phủ Ấn-Độ và Hội Ái-hữu Tây-Tạng ủng hộ.

Ông U.Thant được ca ngợi về công cuộc hòa-bình của ông. — Tổng-hội Phật-giáo Mỹ-quốc có gửi một bức thư khen ngợi ông U.Thant, tổng thư ký Liên-hiệp-quốc, và tỏ bày hy vọng những nguyên tắc Phật-giáo mà ông U.Thant tượng trưng sẽ mang lại hòa bình lâu dài cho tổ chức quốc tế.

Hoạt động Phật-giáo tại Mỹ-quốc. — Ông Leidecker Chủ-tịch Hội Ái-hữu Phật-giáo Hoa-Thịnh-Đốn đã thuyết trình về « Négal, xứ sở của đức Phật », có chiếu ảnh tại trường Cao - đẳng Oriental Clul ở Frederickburg, tiểu bang Virginia.

Ông Alexy Ivanchukov nói về đời sống của những người Mông - cổ Kalmuk theo Phật-giáo, tại hội Duy-nhất thân-giáo ở Fredrickburg — Bác-sĩ B. V. Mukerji nói về bản nguyên-lý giác-ngộ của đức Phật tại Hội Thông-thiên học ở Nữ-u-Úc.

Đức Đạt-lai Lạt-ma lại kêu gọi hòa-bình. — Ngài Đạt-lai Lạt-ma đã kêu gọi Trung - cộng hãy ngưng tàn sát và đàn áp tức khắc những người Tây-Tạng. Lời kêu gọi này được công bố để kỷ-niệm đệ tam chu niên ngày nhân dân Tây-Tạng ở Lhasa nổi dậy chống lại Trung-cộng. Ngài nhắc lại quyết nghị của Liên-hiệp-Quốc về vấn-đề Tây-Tạng và nói rằng giải pháp độc nhất là sự dàn xếp hòa bình bao gồm những quyền lợi và tự-do của nhân dân Tây-Tạng.

Phán quyết của tối cao Pháp-viện Mỹ về tự do tín ngưỡng ở Hoa-thịnh-Đốn. — Hiện nay ở Mỹ người ta đang

tranh luận rất nhiều đến phán quyết của tối cao Pháp-viện định rằng: những buổi cầu kinh chính thức trong các trường công lập là bất hợp pháp.

Hôm thứ hai bằng một số phiếu 6 thuận 1 chống, Tối - cao Pháp-viện Mỹ đã phán quyết rằng: tiểu bang Nữ-u-Úc không có quyền bắt buộc các học sinh tại các trường công lập phải nhận bài kinh mà nhà cầm quyền tiểu bang đã soạn ra. Phán quyết này không áp dụng cho các trường tư thục trong tiểu bang.

Các nhân viên trong Tối - Cao Pháp - viện Hoa-Kỳ có nói rằng: hành động như trên, tiểu bang Nữ-u-Úc không hành động theo đúng bản Hiến - pháp. Tu-chính-án cho biết trong bản Hiến - pháp không cho phép thành lập một tôn-giáo ở tiền bang, nghĩa là Chánh - phủ không được phép bắt buộc một người Mỹ phải đọc kinh như thế nào; điều này không có nghĩa là người đó không được đọc kinh, những người đó nghĩ như thế nào tùy ý dù là theo đạo Phật, đạo Hồi hay đạo Cơ-Đốc cũng vậy.

Theo ý kiến ông Gat mà đa số Tối-cao Pháp - viện đồng ý, Thầm phán Gat có nói rằng: người nào cũng có quyền đọc kinh theo ý riêng của mình, cho nên Tối-Cao Pháp-viện vừa phán quyết đã do 5 gia đình có con em học tại trường công lập tại thành phố Nữ-u-Úc trình lên. Tất cả những gia-đình nói trên đều nói rằng: hình thức cầu kinh ở trường đã trái với tín ngưỡng của họ.

(Trích bản T.T.H.K. Hué)